

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HĂNG
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM**

Giảng viên hướng dẫn	: Th.S Lê Thị Cẩm Giang
Sinh viên thực hiện	: Từ Thị Út Nhung
Mã số sinh viên	: 2254010044
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH1

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2025

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Từ Thị Út Nhung
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 - 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

- Các chứng từ kế toán liên quan đến Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.
- Hệ thống sổ kế toán: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ chi tiết các tài khoản 511, 515, 632, 635, 642, 711, 811, 821, 911.
- Báo cáo tài chính: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các bảng biểu:

5. Cán bộ hướng dẫn: Các anh/chị nhân viên phòng Kế toán của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC HÌNH ẢNH

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

LỜI CẢM ƠN

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH..... 1

1.1. Khái quát chung về Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 1

1.1.1. Các khái niệm về Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 1

1.1.2. Nhiệm vụ Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 1

1.1.3. Vai trò của Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. .. 1

1.2. Kế toán Doanh thu và Thu nhập khác. 2

1.2.1. Kế toán Doanh thu bán hàng và CCDV. 2

1.2.1.1. Đặc điểm Doanh thu bán hàng và CCDV. 2

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng. 4

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng. 4

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán. 5

1.2.2. Kế toán Các khoản giảm trừ doanh thu. 6

1.2.2.1. Đặc điểm các khoản giảm trừ doanh thu. 6

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng. 7

1.2.2.3. Chứng từ sử dụng. 7

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán. 8

1.2.3. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính. 8

1.2.3.1. Đặc điểm Doanh thu hoạt động tài chính. 8

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng. 8

1.2.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 8

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán. 9

1.2.4. Kế toán Thu nhập khác. 10

1.2.4.1. Đặc điểm Thu nhập khác. 10

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng. 10

1.2.4.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 10

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán. 11

1.3. Kế toán các loại chi phí. 11

1.3.1. Kế toán Giá vốn hàng bán. 11

1.3.1.1. Đặc điểm Giá vốn hàng bán. 11

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng.	12
1.3.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	13
1.3.1.4. Phương pháp hạch toán.	13
1.3.2. Kế toán Chi phí bán hàng.	14
1.3.2.1. Đặc điểm Chi phí bán hàng.	14
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.	14
1.3.2.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	14
1.3.2.4. Phương pháp hạch toán.	15
1.3.3. Kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp.	15
1.3.3.1. Đặc điểm Chi phí quản lý doanh nghiệp.	15
1.3.3.2. Tài khoản sử dụng.	16
1.3.3.3. Chứng từ sử dụng.	16
1.3.3.4. Phương pháp hạch toán.	17
1.3.4. Kế toán Chi phí tài chính.	18
1.3.4.1. Đặc điểm Chi phí tài chính.	18
1.3.4.2. Tài khoản sử dụng.	18
1.3.4.3. Chứng từ sử dụng.	18
1.3.4.4. Phương pháp hạch toán.	19
1.3.5. Kế toán Chi phí khác.	20
1.3.5.1. Đặc điểm Chi phí khác.	20
1.3.5.2. Tài khoản sử dụng.	20
1.3.5.3. Chứng từ sử dụng.	20
1.3.5.4. Phương pháp hạch toán.	20
1.3.6. Kế toán Chi phí thuế TNDN.	21
1.3.6.1. Đặc điểm Chi phí thuế TNDN.	21
1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.	22
1.3.6.3. Chứng từ sử dụng.	22
1.3.6.4. Phương pháp hạch toán.	23
1.4. Kế toán Xác định kết quả kinh doanh.	23
1.4.1. Đặc điểm Xác định kết quả kinh doanh.	23
1.4.2. Tài khoản sử dụng.	24
1.4.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	25
1.4.4. Phương pháp hạch toán.	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM.	26

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.

26

2.1.1. Khái quát chung về đơn vị.	26
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị.	26
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị.	27
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị.	28
2.1.5. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại đơn vị.	29
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán và trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.	29
2.2. Thực trạng kế toán Doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.	30
2.2.1. Kế toán Doanh thu bán hàng và CCDV tại đơn vị.	30
2.2.1.1. Đặc điểm Doanh thu bán hàng và CCDV.	30
2.2.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	31
2.2.1.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.	31
2.2.1.4. Nghiệp vụ minh họa.	32
2.2.2. Kế toán Các khoản giảm trừ doanh thu.	37
2.2.3. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính tại đơn vị.	38
2.2.3.1. Đặc điểm Doanh thu hoạt động tài chính.	38
2.2.3.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	38
2.2.3.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.	38
2.2.3.4. Nghiệp vụ minh họa.	38
2.2.4. Kế toán Thu nhập khác tại đơn vị.	41
2.2.4.1. Đặc điểm thu nhập khác.	41
2.2.4.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	41
2.2.4.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.	41
2.2.4.4. Nghiệp vụ minh họa.	42
2.2.5. Kế toán Giá vốn hàng bán tại đơn vị.	45
2.2.5.1. Đặc điểm Giá vốn hàng bán.	45
2.2.5.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	46
2.2.5.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.	46
2.2.5.4. Nghiệp vụ minh họa.	46
2.2.6. Kế toán Chi phí bán hàng tại đơn vị.	49
2.2.7. Kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp tại đơn vị.	49
2.2.7.1. Đặc điểm Chi phí quản lý doanh nghiệp.	49
2.2.7.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	49
2.2.7.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.	50

2.2.7.4. Nghiệp vụ minh họa.....	50
2.2.8. Kế toán Chi phí tài chính tại đơn vị.....	56
2.2.8.1. Đặc điểm chi phí tài chính.....	56
2.2.8.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	56
2.2.8.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.....	56
2.2.8.4. Nghiệp vụ minh họa.....	57
2.2.9. Kế toán Chi phí khác tại đơn vị.....	60
2.2.9.1. Đặc điểm Chi phí khác.....	60
2.2.9.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	60
2.2.9.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.....	61
2.2.9.4. Nghiệp vụ minh họa.....	61
2.2.10. Kế toán Chi phí thuế TNDN tại đơn vị.....	64
2.2.10.1. Đặc điểm Chi phí thuế TNDN.....	64
2.2.10.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	65
2.2.10.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.....	65
2.2.10.4. Nghiệp vụ minh họa.....	65
2.2.11. Kế toán Xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.....	70
2.2.11.1. Đặc điểm Xác định kết quả kinh doanh.....	70
2.2.11.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	70
2.2.11.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.....	70
2.2.11.4. Nghiệp vụ minh họa.....	71
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM.....	76
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại đơn vị.....	76
3.1.1. Ưu điểm:.....	76
3.1.2. Hạn chế:.....	76
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị.....	78
KẾT LUẬN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Hạch toán tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và CCDV.....	5
Sơ đồ 2: Hạch toán tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và CCDV theo phương thức trả chậm, trả góp.....	5
Sơ đồ 3: Hạch toán tài khoản 511– Doanh thu bán hàng và CCDV đối với bên giao hàng đại lý.....	6
Sơ đồ 4: Hạch toán tài khoản 511– Doanh thu bán hàng và CCDV đối với bên nhận đại lý	6
Sơ đồ 5: Hạch toán tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu.	8
Sơ đồ 6: Hạch toán tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính	9
Sơ đồ 7: Hạch toán tài khoản 711 – Thu nhập khác.	11
Sơ đồ 8: Hạch toán tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.	13
Sơ đồ 9: Hạch toán tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.....	15
Sơ đồ 10: Hạch toán tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.....	17
Sơ đồ 11: Hạch toán tài khoản 635 – Chi phí tài chính.....	19
Sơ đồ 12: Hạch toán tài khoản 811 – Chi phí khác.....	20
Sơ đồ 13: Hạch toán tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN.....	23
Sơ đồ 14: Hạch toán tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.....	25
Sơ đồ 15: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam	27
Sơ đồ 16: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn	28
Sơ đồ 17: Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung.....	29
Sơ đồ 18: Sơ đồ ghi sổ trên phần mềm kế toán AMIS.....	30
Sơ đồ 19: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Doanh thu bán hàng và CCDV.	31
Sơ đồ 20: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính	38
Sơ đồ 21: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Thu nhập khác.	41
Sơ đồ 22: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Giá vốn hàng bán.	46
Sơ đồ 23: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp	50
Sơ đồ 24: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Chi phí tài chính	56
Sơ đồ 25: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Chi phí khác	61
Sơ đồ 26: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Chi phí thuế TNDN.	65
Sơ đồ 27: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Xác định kết quả kinh doanh.	70

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình ảnh 1: Logo Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.	26
Hình ảnh 2: Hóa đơn GTGT số 240.	33
Hình ảnh 3: Màn hình nhập liệu Hóa đơn GTGT 240 trên phần mềm.	34
Hình ảnh 4: Hóa đơn GTGT số 313.	35
Hình ảnh 5: Màn hình nhập liệu Hóa đơn GTGT số 313 trên phần mềm.	36
Hình ảnh 6: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 - 30/09/2025.	36
Hình ảnh 7: Trích sổ cái tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và CCDV.	37
Hình ảnh 8: Trích sổ chi tiết tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và CCDV.	37
Hình ảnh 9: Giấy báo có của ngân hàng ACB.	39
.....	39
Hình ảnh 10: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.	39
Hình ảnh 11: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025.	40
Hình ảnh 12: Trích sổ cái tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.	40
Hình ảnh 13: Trích sổ chi tiết tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.	41
Hình ảnh 14: Hóa đơn GTGT (đầu ra) số 362.	43
Hình ảnh 15: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.	44
Hình ảnh 16: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 - 30/09/2025.	44
Hình ảnh 17: Trích sổ cái TK 711 – Thu nhập khác.	45
Hình ảnh 18: Trích sổ chi tiết TK 711 – Thu nhập khác.	45
Hình ảnh 19: Chứng từ kế toán kết chuyển phí kiểm toán.	47
Hình ảnh 20: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.	47
Hình ảnh 21: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025.	48
Hình ảnh 22: Trích sổ cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.	48
Hình ảnh 23: Trích sổ chi tiết tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.	49
Hình ảnh 24: Hóa đơn GTGT số 422.	51
Hình ảnh 25: Màn hình nhập liệu trên phần mềm AMIS.	52
Hình ảnh 26: Bảng thanh toán lương cố định và tạm ứng vượt năng suất tháng 8.	53
Hình ảnh 27: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.	54
Hình ảnh 28: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024-30/09/2025.	54
Hình ảnh 29: Trích sổ cái tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.	55
Hình ảnh 30: Trích sổ chi tiết tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.	55
Hình ảnh 31: Trích sổ chi tiết tài khoản 6421 – Chi phí lương bộ phận quản lý.	56
Hình ảnh 32: Chứng từ giao dịch số 62.	58
Hình ảnh 33: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.	59
Hình ảnh 34: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024-30/09/2025.	59

Hình ảnh 35: Trích sổ cái tài khoản 635 – Chi phí tài chính.....	60
Hình ảnh 36: Trích sổ chi tiết tài khoản 635 – Chi phí tài chính.....	60
Hình ảnh 37: Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước.....	62
Hình ảnh 38: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.....	63
Hình ảnh 39: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025.....	63
Hình ảnh 40: Trích sổ cái tài khoản 811- Chi phí khác.....	64
Hình ảnh 41: Trích sổ chi tiết cái tài khoản 811- Chi phí khác.....	64
Hình ảnh 42: Tờ khai thuế TNDN kỳ tính thuế 2024	68
Hình ảnh 43: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.....	68
Hình ảnh 44: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025.....	69
Hình ảnh 45: Trích sổ cái tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN.....	69
Hình ảnh 46: Trích sổ chi tiết tài khoản 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành.....	70
Hình ảnh 47: Chứng từ kế toán NVK0087/09	71
Hình ảnh 48: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.....	72
Hình ảnh 49: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025.....	73
Hình ảnh 50: Trích sổ cái tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.....	74
Hình ảnh 51: Trích sổ chi tiết tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.....	74
Hình ảnh 52: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	75
Hình ảnh 53: Sổ chi tiết tài khoản 51131 – Doanh thu dịch vụ kiểm toán BCTC. ..	80
Hình ảnh 54: Sổ chi tiết tài khoản 51132 – Doanh thu dịch vụ kiểm toán XDCH... ..	80

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Ý nghĩa
1	BCTC	Báo cáo tài chính
2	BĐS	Bất động sản
3	BH&CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
4	BVMT	Bảo vệ môi trường
5	CCDC	Công cụ dụng cụ
6	CCDV	Cung cấp dịch vụ
7	GTGT	Giá trị gia tăng
8	HĐKD	Hoạt động kinh doanh
9	KHCN	Khoa học công nghệ
10	NSNN	Ngân sách nhà nước
11	NV	Nghiệp vụ
12	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
13	TC	Tài chính
14	TK	Tài khoản
15	TNCN	Thu nhập cá nhân
16	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
17	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
18	TSCĐ	Tài sản cố định
19	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
20	VAT	Thuế giá trị gia tăng
21	VNĐ	Việt Nam đồng
22	XK	Xuất khẩu

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được báo cáo thực tập này, lời đầu tiên em xin gửi đến lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu cùng toàn thể quý thầy cô trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đã tận tình giảng dạy, tạo điều kiện và truyền đạt những kiến thức, kỹ năng quý báu trong suốt thời gian học tập vừa qua. Những kiến thức ấy trở thành nền tảng vững chắc giúp em tự tin bước vào quá trình thực tập và làm quen với môi trường làm việc thực tế.

Đặc biệt, em xin gửi đến lời cảm ơn sâu sắc đến ThS. Lê Thị Cẩm Giang đã hướng dẫn một cách tận tình, hỗ trợ và góp ý giúp em trong suốt thời gian thực tập để bài báo cáo của em được thực hiện một cách hoàn chỉnh nhất.

Cuối cùng, em xin gửi đến lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám Đốc và anh chị phòng Kế toán Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam đã tiếp nhận, tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn nhiệt tình cho em trong suốt thời gian thực tập tại công ty. Sự hỗ trợ của công ty giúp em dễ dàng làm quen với môi trường làm việc, được tiếp xúc và học hỏi được nhiều bài học, đó sẽ là nền tảng quan trọng để em có thể phát triển trong công việc sau này.

Vì thời gian thực tập có giới hạn và kiến thức thực tế còn nhiều hạn chế nên bài báo cáo sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong sự góp ý của quý công ty, quý thầy cô để em có thể rút kinh nghiệm, hoàn thành bài báo cáo một cách chính chu nhất có thể.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện nền kinh tế ngày càng cạnh tranh, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp. Việc hạch toán đầy đủ, chính xác doanh thu và chi phí giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, kiểm soát chi phí và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp. Vì vậy, em chọn đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam” để nghiên cứu và tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán thực tế tại đơn vị.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập – Công ty TNHH Hằng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam trong kỳ kế toán năm 2025.

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp thu thập số liệu, phương pháp quan sát thực tế, phương pháp phân tích – tổng hợp và phương pháp đối chiếu giữa lý thuyết với thực tiễn nhằm làm rõ nội dung nghiên cứu.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

- **Chương 1:** Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- **Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.
- **Chương 3:** Nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

Phần cơ sở lý luận của đề tài được xây dựng và trình bày một cách có hệ thống, dựa trên các quy định và hướng dẫn cụ thể tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

1.1. Khái quát chung về Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Các khái niệm về Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

a. Khái niệm về doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo VAS 14).

b. Khái niệm về chi phí:

Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu (Theo VAS 01).

c. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là số lãi hoặc lỗ mà doanh nghiệp đạt được trong một kỳ kế toán, phản ánh hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính và các hoạt động khác.

1.1.2. Nhiệm vụ Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nhiệm vụ của Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bao gồm:

- Ghi chép và phản ánh đầy đủ các khoản doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh để đảm bảo tính hợp lý, chính xác và kịp thời.
- Tập hợp các chi phí liên quan trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động kinh doanh để xác định kết quả kinh doanh thực tế của đơn vị.
- Xác định kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ của đơn vị) dựa vào doanh thu và chi phí đã ghi nhận trong kỳ để kịp thời đưa ra quyết định quản lý, lập kế hoạch chiến lược và định vị lại đơn vị hoặc sản phẩm, dịch vụ trên thị trường. Từ đó trình bày các thông tin về doanh thu và chi phí và xác định kết quả kinh doanh lên BCTC, giúp cho các bên liên quan đánh giá về khả năng sinh lời của đơn vị.

1.1.3. Vai trò của Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong doanh nghiệp, kế toán là công cụ công trọng để quản lý quá trình kinh doanh, thông qua số liệu của kế toán nói chung và số liệu kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng giúp cho doanh nghiệp đánh giá được tình hình hoạt động của công ty.

- Đối với nhà quản lý: giúp theo dõi hiệu quả kinh doanh, kiểm soát chi phí và lập kế hoạch phát triển doanh nghiệp.
- Đối với nhà đầu tư và tổ chức tài chính: Cung cấp cơ sở để đánh giá khả năng sinh lời và đưa ra quyết định cho vay.
- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: hỗ trợ tổng hợp số liệu kinh tế, điều chỉnh chính sách và xác định nghĩa vụ thuế chính xác.

1.2. Kế toán Doanh thu và Thu nhập khác.

1.2.1. Kế toán Doanh thu bán hàng và CCDV.

1.2.1.1. Đặc điểm Doanh thu bán hàng và CCDV.

a. Nội dung doanh thu bán hàng và CCDV.

Doanh thu bán hàng và CCDV phản ánh doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư;
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....
- Doanh thu khác.

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- + Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu CCDV khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch CCDV đó;

- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch CCDV đó.

c. Phương thức bán hàng.

- *Phương thức bán hàng tại kho của doanh nghiệp:* Là phương thức bán hàng mà bên mua cử đại diện đến kho hoặc các phân xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Sau đó doanh nghiệp xuất kho hàng hóa giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Căn cứ vào hợp đồng đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Chỉ khi nào được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng đại lý:* Là hình thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được cơ sở đại lý, ký gửi thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán và thông báo về số hàng đã được bán, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu về số hàng hóa này.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* Đây là hình thức bán hàng mà người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần, ngoài giá tiền thu theo giá bán thông thường, đơn vị còn thu thêm ở người mua một khoản lãi do trả chậm. Đối với hình thức này, về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, hàng hóa bán trả góp được coi là tiêu thụ, bên bán ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức bán hàng xuất khẩu trực tiếp:* Phương thức bán hàng xuất khẩu trực tiếp là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp sẽ trực tiếp giao dịch với bên nhập khẩu, thực hiện việc ký kết hợp đồng, giao hàng hóa xuất khẩu và nhận tiền.

- *Phương pháp bán hàng ủy thác xuất khẩu:* Đối với phương thức bán hàng ủy thác xuất khẩu, doanh nghiệp sẽ không trực tiếp xuất khẩu hàng hóa và thu tiền hàng. Việc này sẽ do một bên thứ 3 là đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu thực hiện xuất khẩu hàng hóa và thu tiền cho doanh nghiệp.

d. *Phương thức thanh toán.*

- *Phương thức thanh toán trực tiếp:* Đối với những khách hàng mua hàng hóa, dịch vụ sẽ thanh toán ngay sau khi công ty hoàn thành CCDV, hàng hóa.

+ Thanh toán bằng tiền mặt: đối với giao dịch dưới 20 triệu đồng trước ngày 01/07/2025 và dưới 5 triệu đồng kể từ ngày 01/07/2025.

+ Thanh toán bằng chuyển khoản: Đối với giao dịch trên 20 triệu đồng trước ngày 01/07/2025 và trên 5 triệu đồng kể từ ngày 01/07/2025.

- *Phương thức thanh toán trả sau:* Đối với những khách hàng làm ăn lâu dài và ký kết hợp đồng với công ty thì các khoản mua hàng, dịch vụ sẽ được ghi vào công nợ và thanh toán định kỳ hoặc tùy vào cam kết trong hợp đồng kinh tế.

- *Phương thức thanh toán trả trước:* Đối với những khách hàng mới hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ lớn, công ty sẽ yêu cầu khách hàng đặt cọc một phần và thanh toán phần còn lại sau khi hoàn thành việc giao hàng hoặc CCDV.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và CCDV:

Nợ	TK 511- Doanh thu bán hàng và CCDV	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và CCDV của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

b. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và CCDV có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá;
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm;
- Tài khoản 5113 – Doanh thu CCDV;
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá;
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư;
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

❖ *Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC:* Doanh nghiệp có thể mở các tài khoản chi tiết doanh thu phát sinh từ hợp đồng với khách hàng (ví dụ doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ,...) cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình.

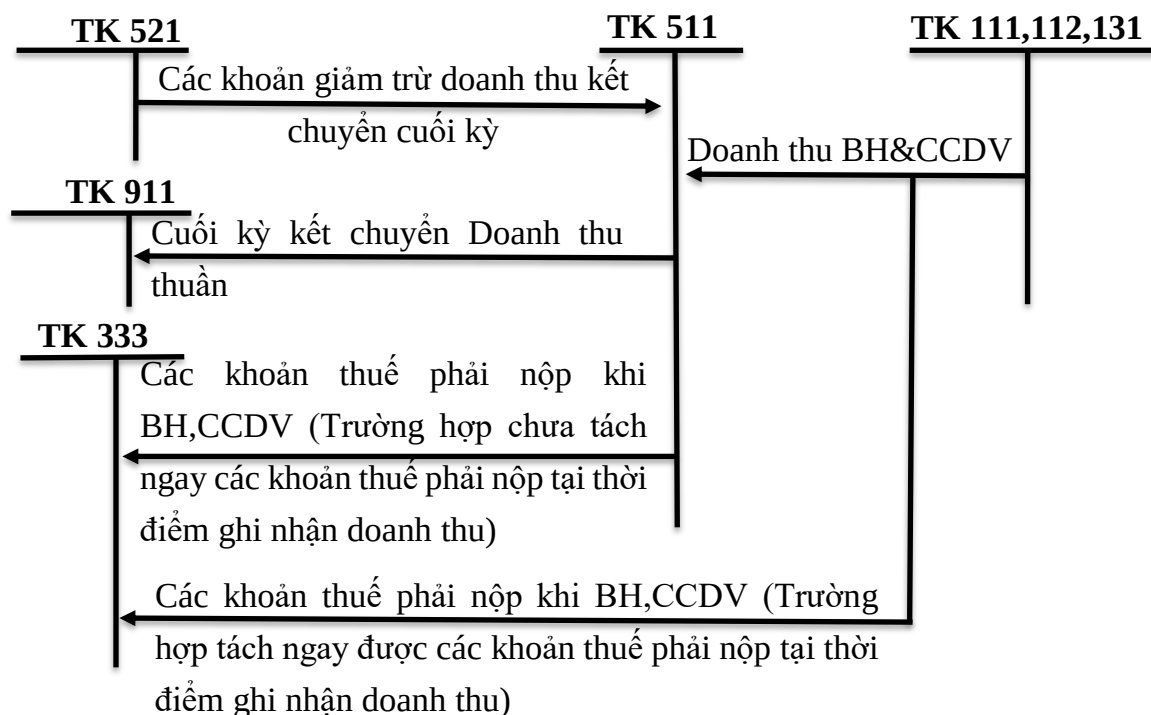
1.2.1.3. Chứng từ sử dụng.

- Hợp đồng kinh tế;
- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT, vé tàu xe...;
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ;

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi;
- Thẻ quỹ hàng;
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng....

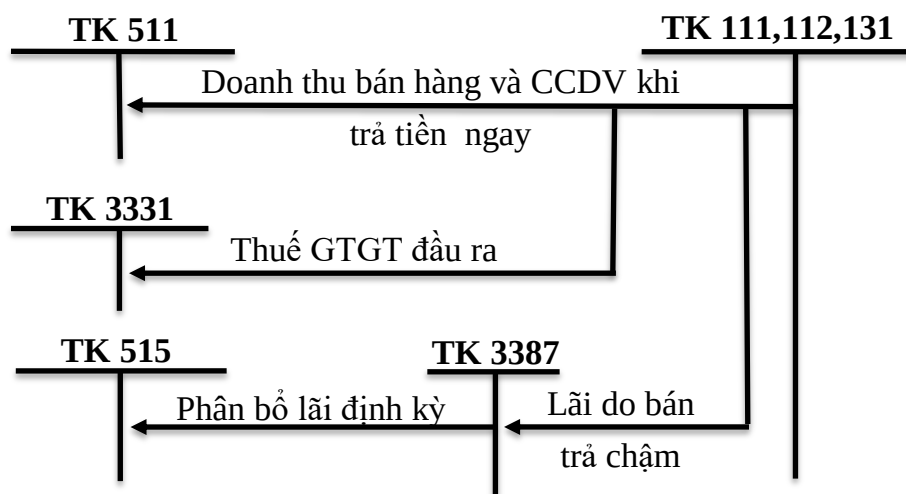
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán.

a. Hạch toán doanh thu bán hàng và CCDV thu được theo phương thức trả ngay:



Sơ đồ 1: Hạch toán tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và CCDV

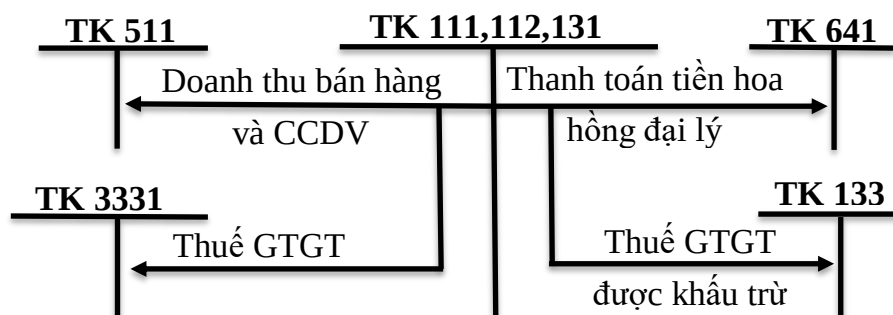
b. Hạch toán doanh thu bán hàng và CCDV thu được theo phương thức trả chậm trả góp:



Sơ đồ 2: Hạch toán tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và CCDV theo phương thức trả chậm, trả góp.

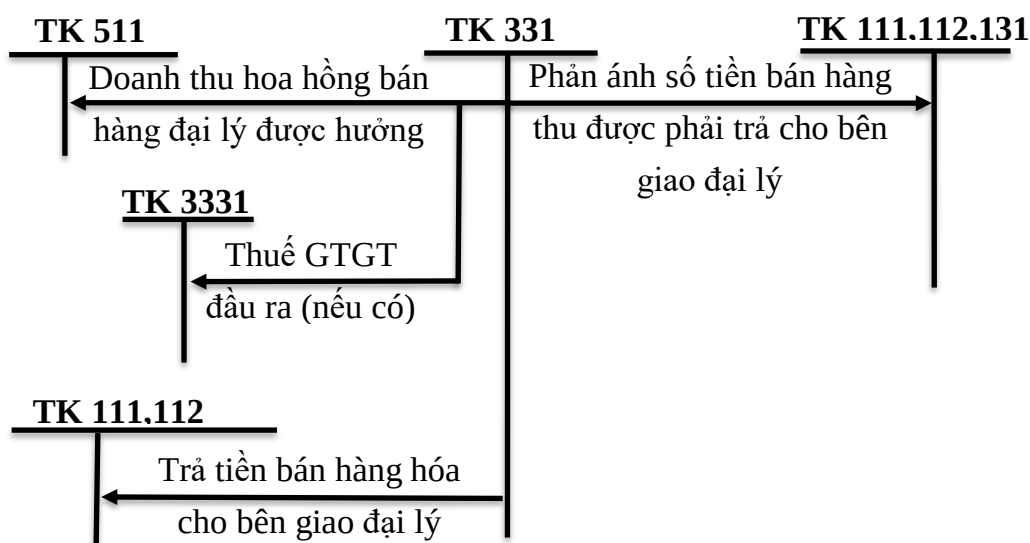
❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC: Kế toán không dùng tài khoản trung gian (TK 3387) để ghi nhận lãi trả chậm trả góp và phân bổ lãi hàng kỳ vào TK 515 mà hạch toán thẳng lãi trả chậm, trả góp trong kỳ vào bên Có TK 515.

- c. Hạch toán doanh thu bán hàng và CCDV theo phương thức bán hàng đại lý:
- Bên giao hàng đại lý:



Sơ đồ 3: Hạch toán tài khoản 511– Doanh thu bán hàng và CCDV đối với bên giao hàng đại lý

- Bên nhận đại lý:



Sơ đồ 4: Hạch toán tài khoản 511– Doanh thu bán hàng và CCDV đối với bên nhận đại lý

1.2.2. Kế toán Các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2.1. Đặc điểm các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng và CCDV phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu:

Nợ	TK 521- Các khoản giảm trừ doanh thu	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và CCDV” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

b. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu có 3 tài khoản cấp 2

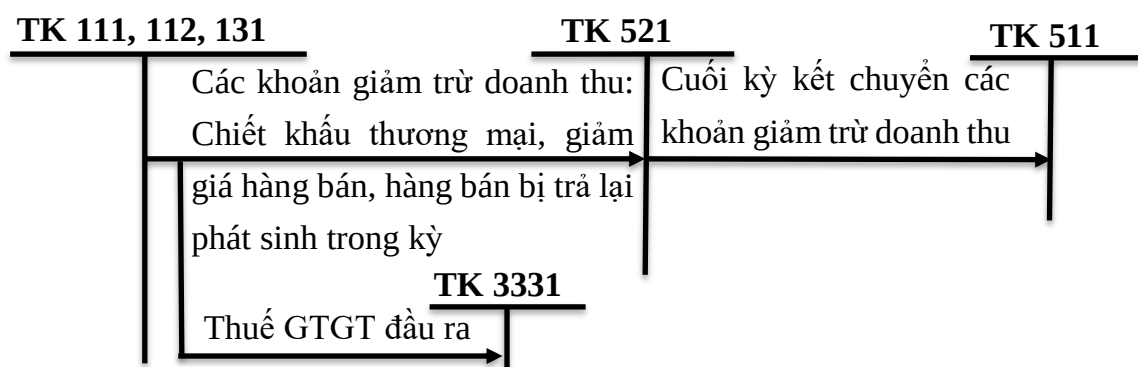
- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại;
- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại;
- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán.

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC: Doanh nghiệp có thể mở các tài khoản chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh (như: Chiết khấu thương mại, Giảm giá hàng bán, Hàng bán bị trả lại...) cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình.

1.2.2.3. Chứng từ sử dụng.

- Chiết khấu thương mại:
 - + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng;
 - + Biên bản chiết khấu thương mại....
- Giảm giá hàng bán:
 - + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng;
 - + Biên bản giảm giá hàng bán;
 - + Hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê....
- Hàng bán bị trả lại:
 - + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng;
 - + Biên bản trả lại hàng bán;
 - + Chứng từ kèm theo: phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ....

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 5: Hạch toán tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.3. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.3.1. Đặc điểm Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu thu được từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn...;
- Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác....

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Nợ	TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

b. Tài khoản sử dụng:

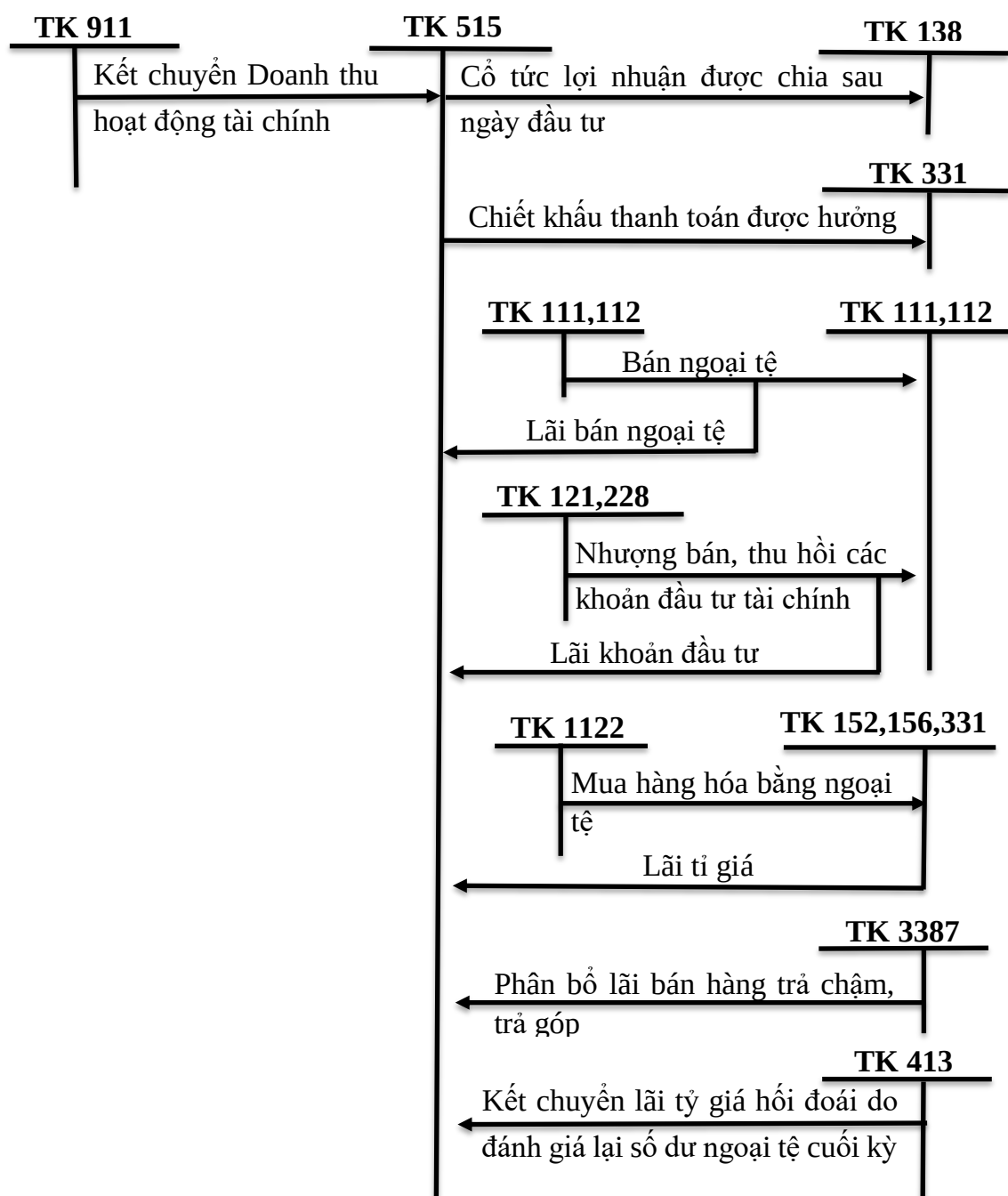
Để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính kế toán sử dụng tài khoản 515.

1.2.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Phiếu thu;
- bảng sao kê tiền gửi ngân hàng;
- Giấy báo có;

- Các chứng từ khác có liên quan....

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 6: Hạch toán tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC: Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, doanh nghiệp phải đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn.

1.2.4. Kế toán Thu nhập khác.

1.2.4.1. Đặc điểm Thu nhập khác.

Tài khoản Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, CCDV nhưng sau đó được giảm, được hoàn;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)....

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 711 – Thu nhập khác:

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
		
Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ		

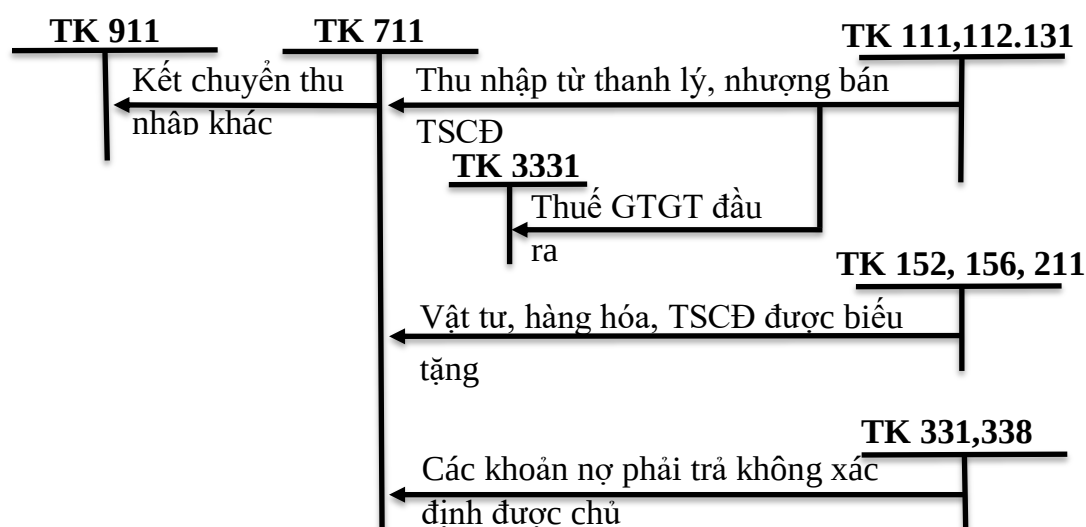
b. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh thu nhập khác kế toán sử dụng tài khoản 711.

1.2.4.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Giấy báo có;
- Phiếu thu;
- Chứng từ kế toán;
- Biên bản vi phạm hợp đồng;
- Hóa đơn GTGT;
- Biên bản giao nhận TSCĐ;
- Biên bản thanh lý TSCĐ....

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 7: Hạch toán tài khoản 711 – Thu nhập khác.

1.3. Kế toán các loại chi phí.

1.3.1. Kế toán Giá vốn hàng bán.

1.3.1.1. Đặc điểm Giá vốn hàng bán.

a. Nội dung giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

b. Phương pháp tính giá xuất kho.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+ Bình quân thời điểm (Bình quân mỗi lần nhập): Khi áp dụng phương pháp này, kế toán sẽ xác định lại giá trị tồn kho của từng loại hàng hóa sau mỗi lần nhập hàng.

Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	$\frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập thứ } n}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập thứ } n} + \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập thứ } n}{\text{Số lượng hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập thứ } n}$
---	---	---

+ Bình quân cuối kỳ: Khi áp dụng phương pháp này, đến cuối kỳ mới xác định giá vốn của hàng hóa xuất kho trong kỳ.

Công thức:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho } i = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC: ngoài các phương pháp tính giá xuất kho như: phương pháp bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước (FIFO), thực tế đích danh thì còn có thêm phương pháp giá bán lẻ và phương pháp chi phí chuẩn.

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Nợ	TK 632 – Giá vốn hàng bán	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC: Kết cấu bên Nợ của TK 632 có phản ánh thêm trị giá vốn của tài sản sinh học (trừ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ và súc vật làm việc) đã bán trong kỳ.

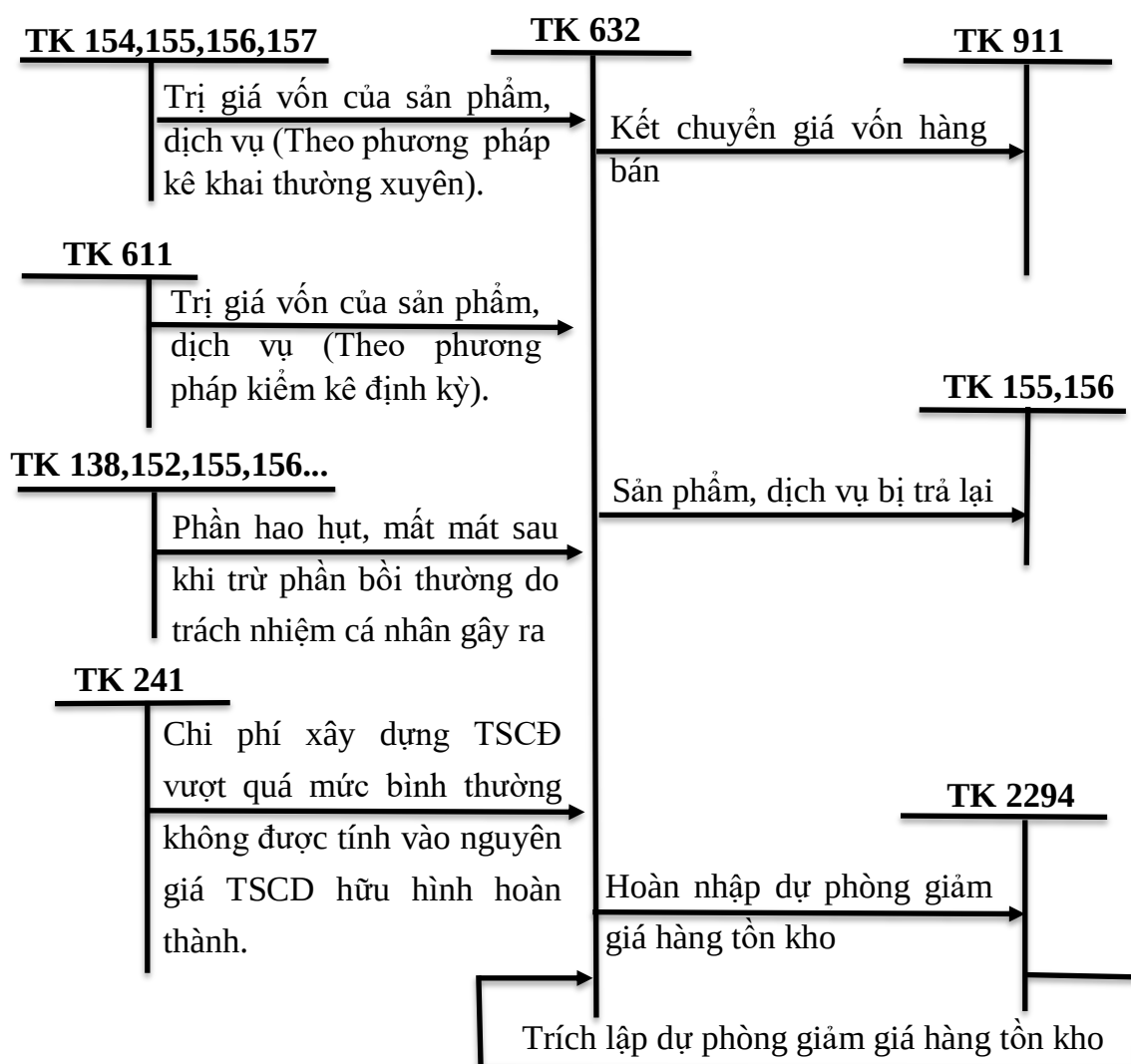
b. Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh Giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng tài khoản 632 .

1.3.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Hợp đồng mua bán;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu xuất kho và phiếu kế toán;
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn....

1.3.1.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 8: Hạch toán tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

❖ Thông tư 99/2025/TT-BTC không phân biệt hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ. Không sử dụng tài khoản 611 – Mua hàng để

hạch toán trị giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ trong kỳ (Phương pháp kiểm kê định kỳ).

1.3.2. Kế toán Chi phí bán hàng.

1.3.2.1. Đặc điểm Chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, CCDV, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 641 – Chi phí bán hàng:

Nợ	TK 641- Chi phí bán hàng	Có
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, CCDV phát sinh trong kỳ.		- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

b. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng, có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên;
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì;
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng;
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ;
- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành;
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác.

1.3.2.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT;
- Chứng từ kế toán;
- Phiếu chi tiền mặt, ủy nhiệm chi;
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương...

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 9: Hạch toán tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.

1.3.3. Kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.3.3.1. Đặc điểm Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm

xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài ; chi phí bằng tiền khác...

1.3.3.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ	TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả; - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

b. Tài khoản sử dụng

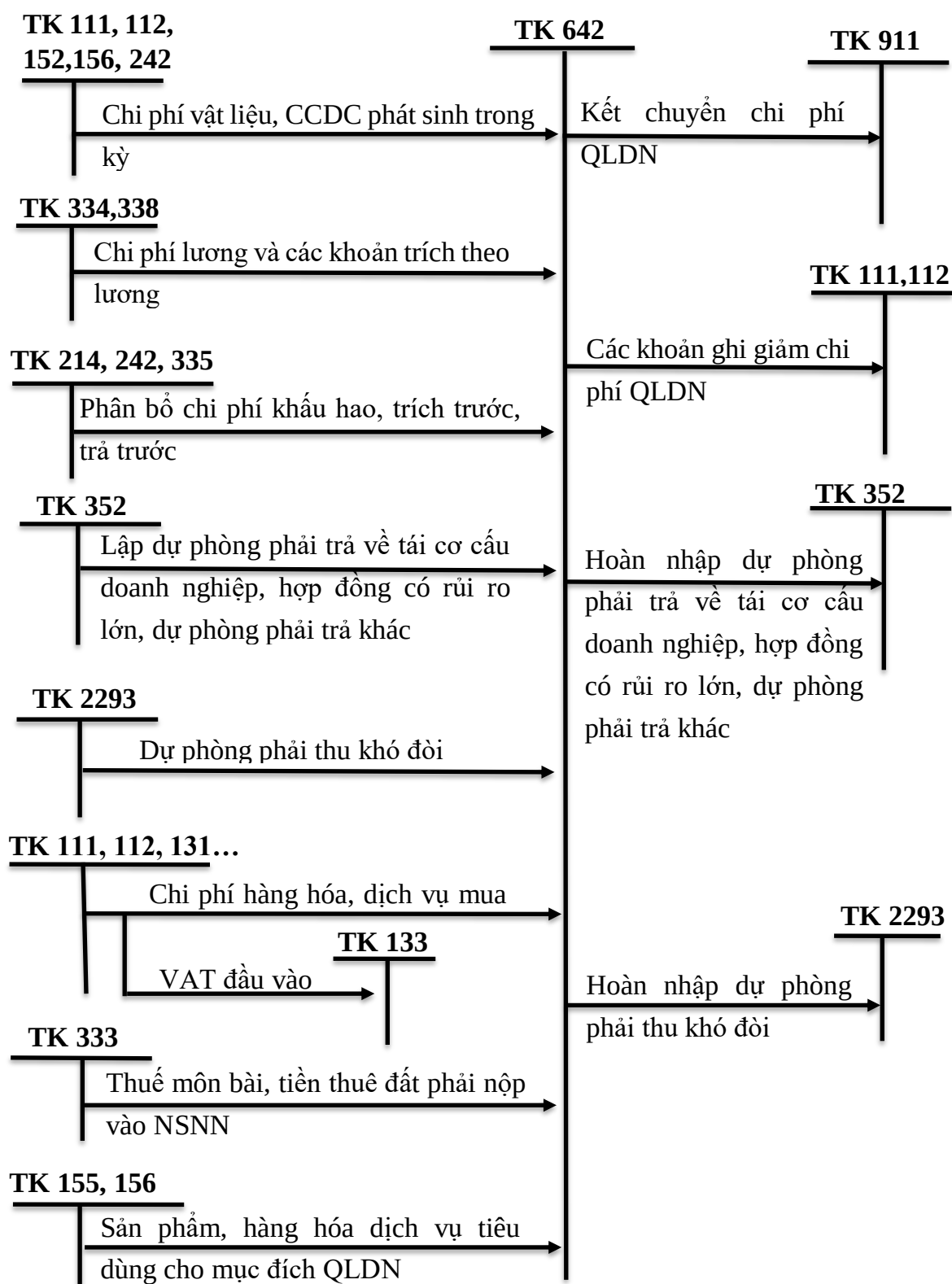
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý;
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý;
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng;
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ;
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí;
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng;
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác.

1.3.3.3. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT;
- Chứng từ kế toán;
- Phiếu chi tiền mặt, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ;
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương;
- Bảng tính khấu hao và phân bổ CCDC;
- Giấy nộp tiền vào NSNN....

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 10: Hạch toán tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.3.4. *Kế toán Chi phí tài chính.*

1.3.4.1. *Đặc điểm Chi phí tài chính.*

Chi phí tài chính phản ánh các khoản bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

1.3.4.2. *Tài khoản sử dụng.*

a. Kết cấu TK 635 – Chi phí tài chính

Nợ	TK 635 - Chi phí tài chính	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.



Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

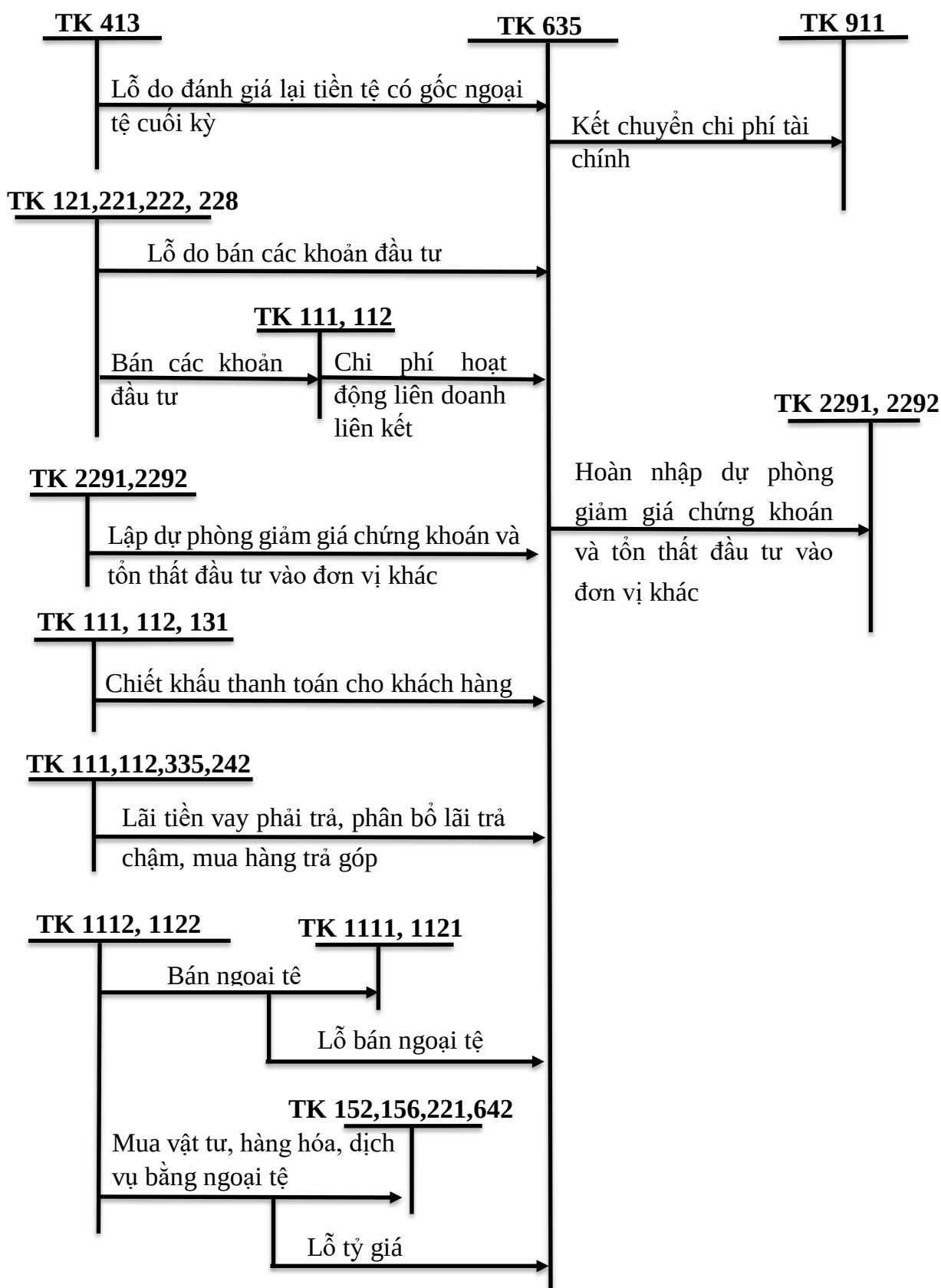
b. Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh chi phí tài chính kế toán sử dụng tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

1.3.4.3. *Chứng từ sử dụng*

- Ủy nhiệm chi, giấy báo nợ;
- Sổ phụ ngân hàng;
- Bảng tính lãi....

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 11: Hạch toán tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

1.3.5. *Kế toán Chi phí khác.*

1.3.5.1. *Đặc điểm Chi phí khác.*

Chi phí khác phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ; Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ, thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính; Các khoản chi phí khác....

1.3.5.2. *Tài khoản sử dụng.*

a. Kết cấu TK 811 – Chi phí khác

Nợ	TK 811- Chi phí khác	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.
		
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ		

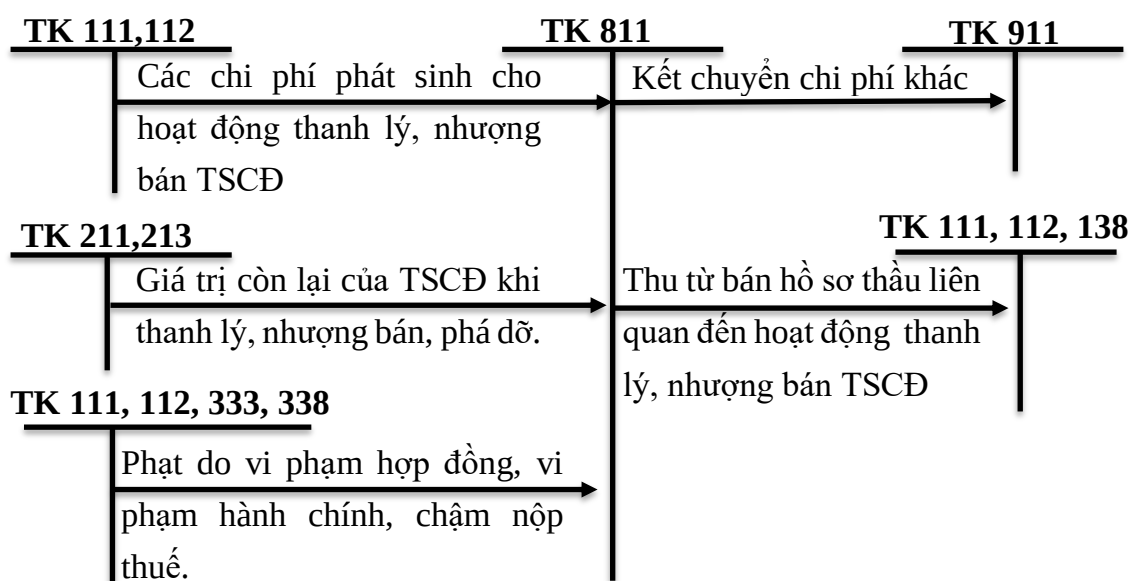
b. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí khác kế toán sử dụng tài khoản 811 – Chi phí khác

1.3.5.3. *Chứng từ sử dụng.*

- Ủy nhiệm chi;
- Biên bản vi phạm hợp đồng, biên bản thanh lý TSCĐ;
- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước;
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước...

1.3.5.4. *Phương pháp hạch toán.*



Sơ đồ 12: Hạch toán tài khoản 811 – Chi phí khác.

1.3.6. **Kế toán Chi phí thuế TNDN.**

1.3.6.1. **Đặc điểm Chi phí thuế TNDN.**

a. Nội dung chi phí thuế TNDN:

Chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

b. Phương pháp xác định thuế TNDN phải nộp:

Để xác định số thuế TNDN phải nộp, kế toán áp dụng công thức:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế TNDN} - \text{Phần trích lập quỹ KHCN (nếu có)} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Trong đó:

$$\text{Thu nhập tính thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế TNDN} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right)$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế TNDN} = \text{Doanh thu tính thu nhập chịu thuế} - \text{Chi phí được trừ trong kỳ} + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 821 – Chi phí thuế TNDN:

Nợ	TK 821 - Chi phí thuế TNDN	Có
- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại. - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả; - Số hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước; - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại; - Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại; - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại; - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” nhỏ hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

b. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 821- Chi phí thuế TNDN có 2 tài khoản cấp 2:

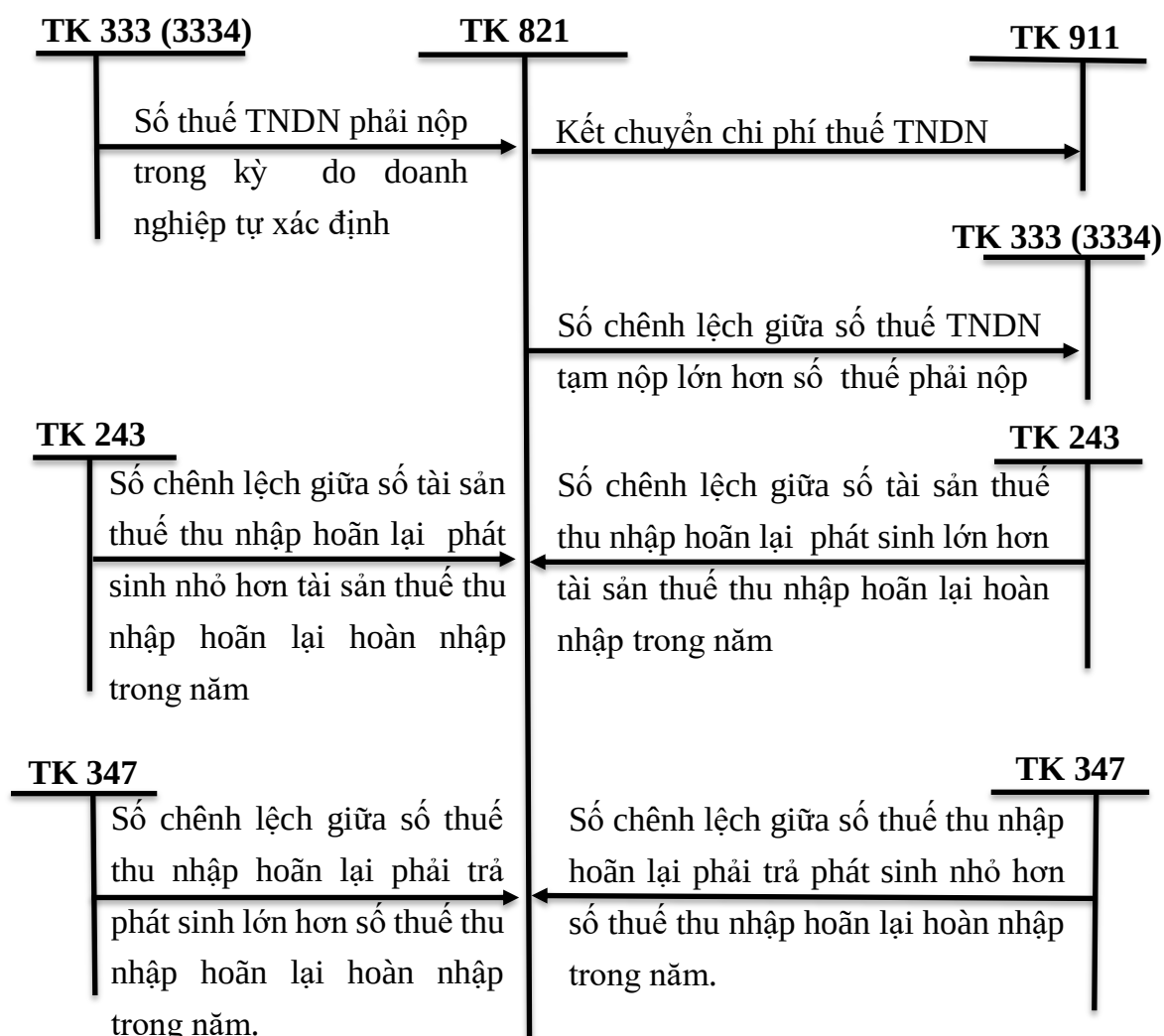
- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành;
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

1.3.6.3. Chứng từ sử dụng

- Các tờ khai thuế tạm nộp;

- Quyết toán thuế TNDN hàng năm;
- Thông báo thuế và biên lai nộp thuế....

1.3.6.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 13: Hạch toán tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN.

1.4. Kế toán Xác định kết quả kinh doanh.

1.4.1. Đặc điểm Xác định kết quả kinh doanh.

a. Nội dung Xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

b) Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.

Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán áp dụng công thức sau:

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Thuế TNDN}$$

Trong đó:

$$\text{Lợi nhuận trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ HĐKD} - \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi} & & \text{Lợi} & & \text{Doanh} & & \text{Chi} & & \text{Chi} & & \text{Chi} \\ \text{nhuận} & = & \text{nhuận} & + & \text{thu hoạt} & - & \text{phí tài} & - & \text{phí} & - & \text{phí} \\ \text{thuần} & & \text{gộp về} & & \text{động tài} & & \text{chính} & & \text{bán} & & \text{QLDN} \\ \text{từ} & & \text{bán} & & \text{chính} & & & & \text{hàng} & & \\ \text{HĐKD} & & \text{hàng và} & & & & & & & & \\ & & \text{CCDV} & & & & & & & & \end{array}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV} = \text{Tổng doanh thu bán hàng và CCDV trong kỳ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

1.4.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh:

Nợ	TK 911- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN; - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

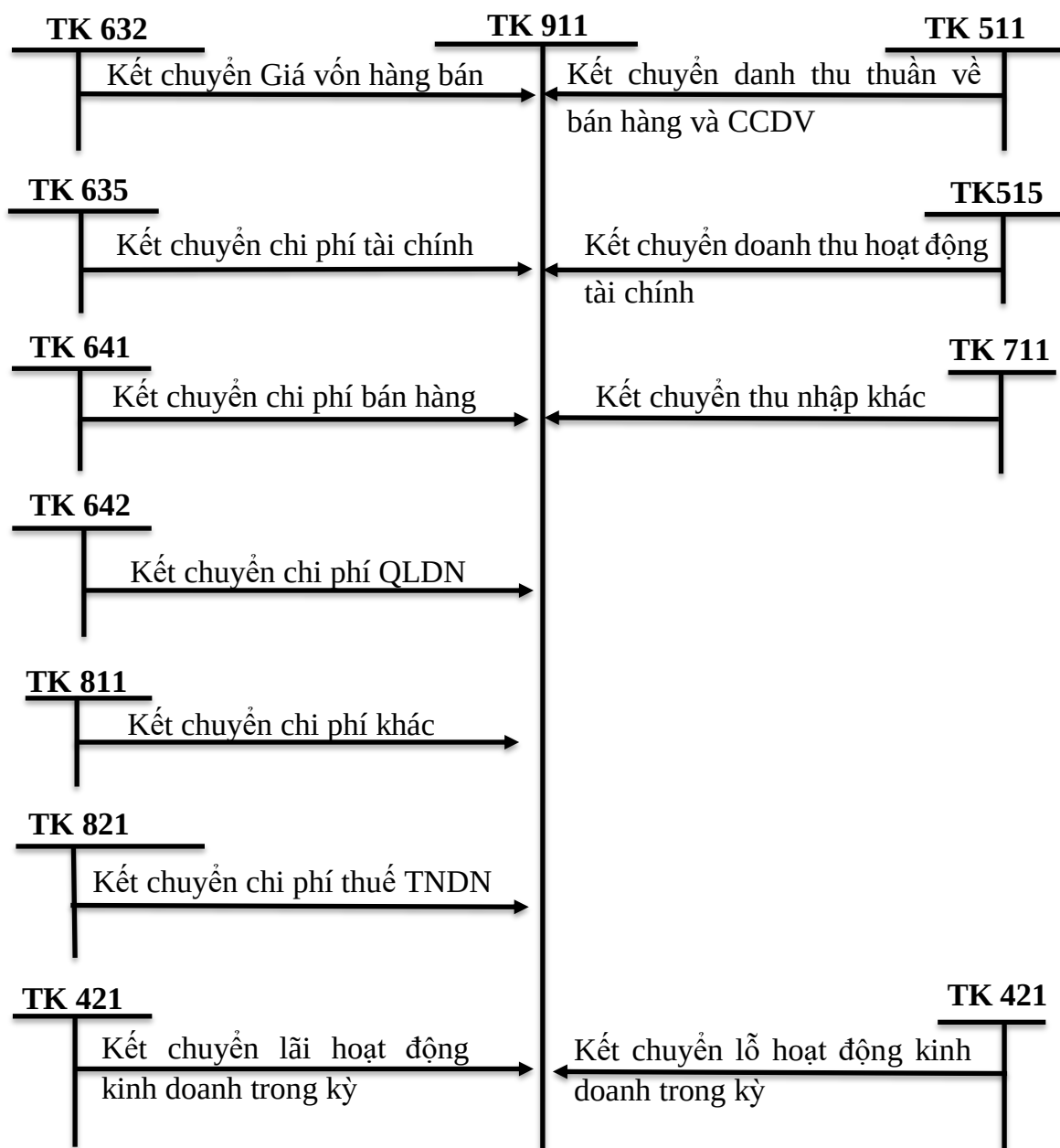
b. Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh kết quả kinh doanh kế toán sử dụng tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

1.4.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến doanh thu, thu nhập, chi phí trong kỳ...

1.4.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 14: Hạch toán tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM.

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.

2.1.1. Khái quát chung về đơn vị.

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam là một đơn vị với nhiều năm kinh nghiệm đồng hành cùng doanh nghiệp trong lĩnh vực kiểm toán, kế toán, và tư vấn thuế.

- Địa chỉ trụ sở chính: 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, Việt Nam;
- Tên viết tắt: AUD Việt Nam;
- Chi nhánh miền Bắc: 39 Xuân Quỳnh, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội;
- Chi nhánh miền Nam: 23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường Bảy Hiền, TP Hồ Chí Minh ;
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên;
- Đại diện pháp luật: Tổng Giám đốc – Ông Phan Văn Liêm;
- Mã số thuế: 0401980437.



Hình ảnh 1: Logo Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam là một đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, kế toán, và tư vấn thuế. Chuyên mục lĩnh vực của công ty bao gồm: Kiểm toán, Kế toán, Tư vấn thuế, Tư vấn lập hồ sơ giao dịch liên kết, Tư vấn tài chính.

Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, phương pháp làm việc hiệu quả, luôn cam kết đúng hẹn và phát triển bền vững, Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam tự tin rằng công ty là đối tác đáng tin cậy và có thể mang lại giá trị thực sự cho doanh nghiệp thông qua các dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn thuế chất lượng.

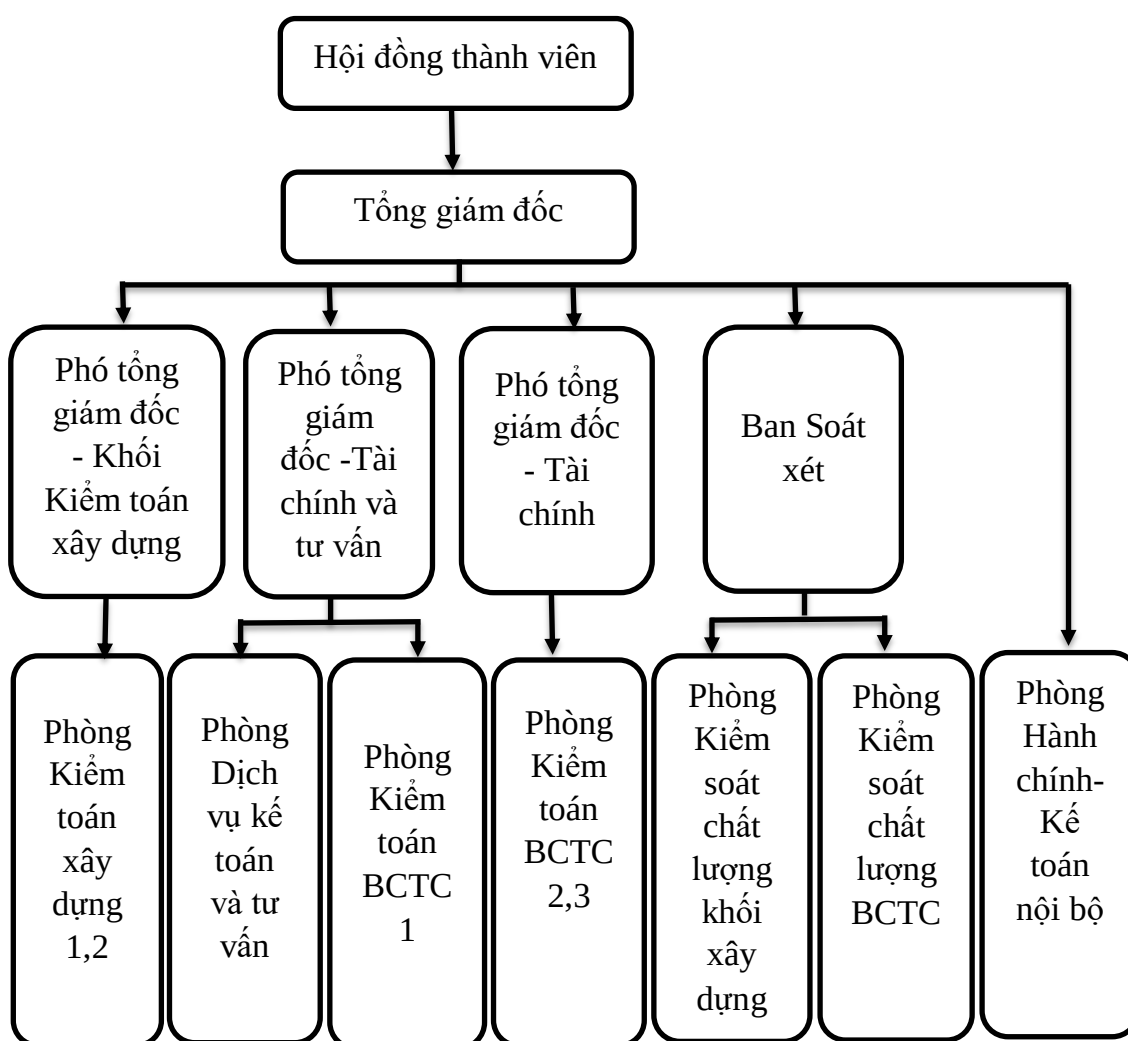
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị.

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam được thành lập ngày 09/12/2023. Theo Quyết định số 3830/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14/11/2025, AUD Việt Nam chính thức nằm trong danh sách 35 công ty kiểm toán được chấp thuận CCDV kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng (ĐVLICC) năm 2026.

Với mong muốn trở thành một đối tác tài chính đáng tin cậy và uy tín, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh phức tạp. Công ty hướng đến việc tạo nên một tầm ảnh hưởng vững chắc trong lĩnh vực kiểm toán, kế toán và tư vấn thuế, được biết đến với sự hiểu biết sâu rộng về quy định, đội ngũ chuyên gia tài năng, và khả năng định hình các giải pháp tài chính sáng tạo.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị.

a. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý.



Sơ đồ 15: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam

b. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.

Hội đồng thành viên: Gồm các thành viên tham gia góp vốn, có vai trò trong việc đưa ra các quyết định chiến lược và giám sát các hoạt động của công ty.

Tổng Giám đốc: Đại diện công ty trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về các hoạt động của công ty. Tổng Giám đốc đồng cũng

là người điều hành các hoạt động của công ty và đại diện công ty ký kết hợp đồng với khách hàng.

Phó Tổng Giám đốc: Là những người được Tổng Giám đốc ủy quyền, giám sát những lĩnh vực cụ thể; là người có chuyên môn cao và chịu trách nhiệm chính cho các hợp đồng kiểm toán của công ty.

Phòng Kiểm toán Xây dựng: Phòng cung cấp các dịch vụ kiểm toán như kiểm toán Báo cáo quyết toán hàng mục công trình hoàn thành, kiểm toán việc xác định giá trị dự toán hay tổng dự toán công trình.

Phòng Dịch vụ Kế toán và Tư vấn: Cung cấp các dịch vụ về kế toán như hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thành BCTC, đưa ra những tư vấn về thuế hoặc quy trình ghi sổ kế toán để giúp doanh nghiệp

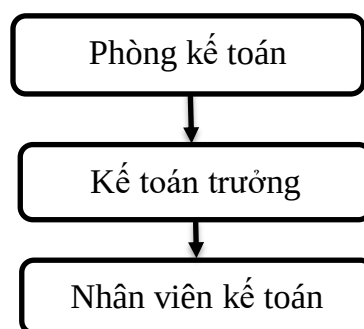
Phòng Kiểm toán BCTC: Thực hiện công việc kiểm toán độc lập tại các doanh nghiệp, chịu trách nhiệm xác định tính chính xác, độ tin cậy, đánh giá rủi ro và cung cấp cho doanh nghiệp các giải pháp khắc phục nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Phòng Kiểm soát Chất lượng: Thực hiện việc soát xét lại lần cuối sau khi Kiểm toán viên đã thực hiện kiểm toán tại công ty khách hàng, là bộ phận đưa ra kết quả kiểm toán cuối cùng trước khi phát hành báo cáo.

Phòng Hành chính - Kế toán nội bộ: Thực hiện việc quản lý chứng từ, hợp đồng, đảm bảo các thủ tục hành chính được thực hiện đầy đủ và chính xác, đồng thời chịu trách nhiệm ghi nhận các nghiệp vụ kế toán nội bộ của công ty.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị.

a. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị.



Sơ đồ 16: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam

b. Chức năng, nhiệm vụ của các thành viên.

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam bao gồm 1 kế toán trưởng và 2 kế toán viên.

Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm giám sát, quản lý, điều hành và đảm bảo các hoạt động của phòng kế toán được thực hiện chính xác và đúng quy trình; là người phê duyệt các chứng từ kế toán, đồng thời cũng là người trao đổi chính với Ban giám đốc về tình hình tài chính của công ty.

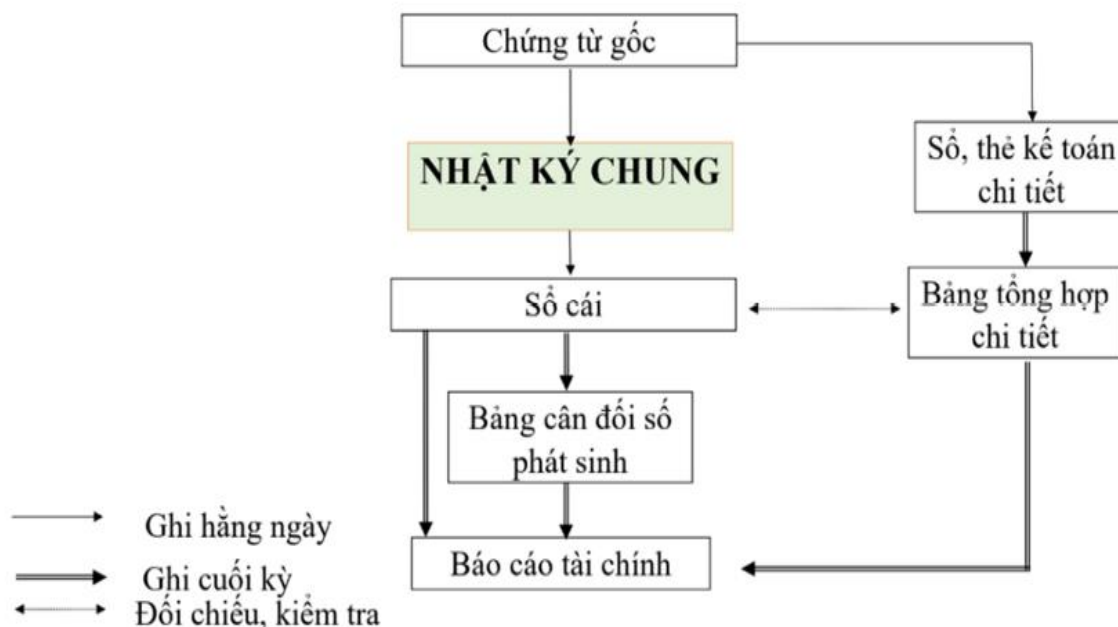
Kế toán viên: Chịu trách nhiệm hạch toán các nghiệp vụ của công ty, lưu trữ và quản lý chứng từ kế toán, theo dõi công nợ, thực hiện kê khai thuế và các công việc liên quan khác.

2.1.5. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại đơn vị.

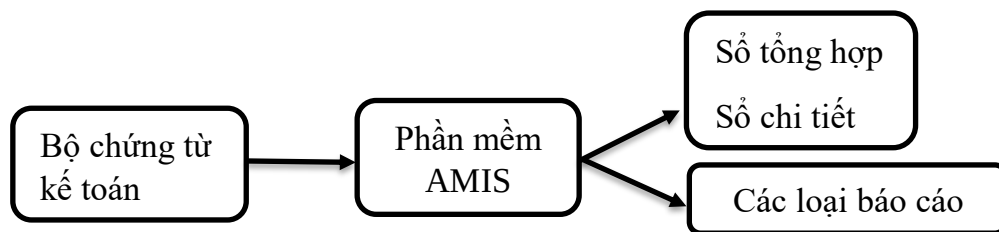
- Chế độ kế toán: Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
- Niên độ kế toán: Từ ngày 01/10 – 30/09 hàng năm;
- Đơn vị kê khai và nộp thuế GTGT, TNCN theo quý;
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ;
- Thuế suất thuế TNDN: giai đoạn 01/10/2024 – 31/12/2024 áp dụng mức thuế suất 20%, giai đoạn từ 01/01/2025 – 30/09/2025 áp dụng mức thuế suất 17%;
- Phương pháp khấu hao TSCĐ tại công ty: Phương pháp khấu hao đường thẳng;
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán và trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.

Hình thức ghi sổ kế toán được sử dụng tại công ty là Nhật ký chung, phần mềm kế toán sử dụng là phần mềm kế toán AMIS.



Sơ đồ 17: Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung.



Sơ đồ 18: Sơ đồ ghi sổ trên phần mềm kế toán AMIS

Hằng ngày: Khi phát sinh các nghiệp vụ, kế toán sẽ tập hợp các chứng từ, hóa đơn sau đó thực hiện kiểm tra trạng thái, tính hợp lý, hợp lệ của từng hóa đơn, chứng từ. Sau đó, thực hiện việc sắp xếp bộ chứng từ theo từng loại của hóa đơn, chứng từ đầu vào, đầu ra. Kế toán tiến hành đồng bộ các hóa đơn từ cơ quan thuế về phần mềm, kế toán sẽ tiến hành hạch toán, phản ánh vào phần mềm kế toán AMIS theo các phần hành tương ứng. Khi nhập liệu xong, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ có liên quan.

Cuối kỳ: Kế toán thực hiện các bước kết chuyển, khóa sổ, phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Về bút toán kết chuyển có thể thực hiện tự động theo phần mềm, tuy nhiên có một số bút toán kết chuyển như lương, giá vốn, thuế và bảo hiểm,... cần được thực hiện thủ công nhằm đảm bảo số liệu mang độ chính xác cao hơn. Cuối kỳ, để lưu trữ chứng từ, kế toán thực hiện in các sổ cùng với các hóa đơn liên quan sắp xếp theo đúng trật tự thời gian để thuận tiện cho việc cơ quan Thuế kiểm tra.

2.2. Thực trạng kế toán Doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam.

2.2.1. Kế toán Doanh thu bán hàng và CCDV tại đơn vị.

2.2.1.1. Đặc điểm Doanh thu bán hàng và CCDV.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam là một đơn vị chuyên về CCDV Kế toán, Kiểm toán và Tư vấn. Tính chất đặc biệt về ngành nghề kinh doanh nên Doanh thu bán hàng và CCDV của đơn vị có mang các tính đặc thù sau:

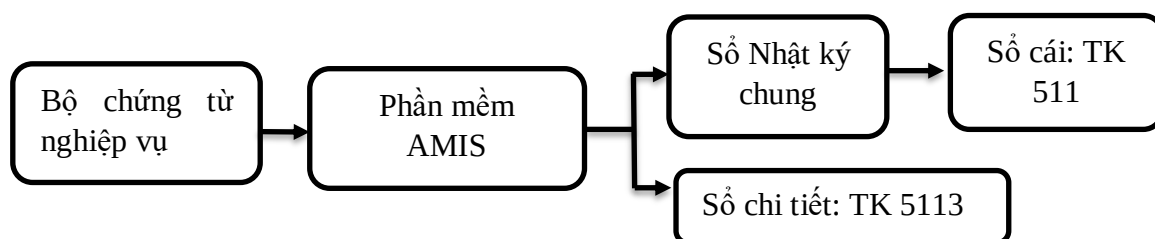
- Doanh thu bán hàng và CCDV hầu như đều đến từ việc ký kết hợp đồng với khách hàng, giá dịch vụ phụ thuộc vào sự thỏa thuận của đơn vị với khách hàng sau khi đánh giá quy mô, mức độ phức tạp và rủi ro, khối lượng chứng từ và nghiệp vụ.
- Doanh thu thường tăng mạnh vào cuối năm và đầu năm sau do lập BCTC, kiểm toán BCTC, quyết toán thuế.
- Doanh thu được ghi nhận theo tiến độ hoặc khi kết thúc hợp đồng.

Trước 01/10/2024, ngoài cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn, AUD Việt Nam còn cung cấp dịch vụ xây dựng nhưng kể từ ngày bắt đầu năm tài chính tiếp theo (01/10/2025), đơn vị không còn cung cấp dịch vụ này.

2.2.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- a. Chứng từ sử dụng
 - Hợp đồng kinh tế;
 - Hóa đơn GTGT;
 - Phiếu thu;
 - Giấy báo có của ngân hàng,....
- b. Sổ sách sử dụng.
 - Sổ tổng hợp:
 - + Sổ nhật ký chung;
 - + Sổ cái TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ;
 - Sổ chi tiết: TK 5113 – Doanh thu dịch vụ.

2.2.1.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.



Sơ đồ 19: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Doanh thu bán hàng và CCDV.

Từ bộ chứng từ nghiệp vụ: Hợp đồng vận chuyển, hóa đơn GTGT, phiếu thu hoặc giấy báo có. Sau khi các chứng từ này đã được kiểm tra xong, kế toán tổng hợp tiến hành nhập các thông tin từ hóa đơn GTGT hạch toán vào phần mềm kế toán AMIS .

Trước hết, kế toán vào phân hệ “Bán hàng”, sau đó chọn “ Xử lý hóa đơn đầu ra” rồi chọn “ Lập chứng từ mua hàng”, tiếp theo chọn “Chưa thu tiền” khi khách hàng chưa thanh toán, sau đó nhập thêm các thông tin cần thiết và thực hiện hạch toán vào hệ thống. Nhấn “Cất” để phần mềm sẽ tự động cập nhật và lưu trữ các thông tin vào hệ thống.

Đối với những khách hàng trả bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng (thường đối với những hóa đơn trên 20 triệu đồng trước ngày 1/7/2025 hoặc trên 5 triệu đồng kể từ ngày 1/7/2025 hoặc những khách hàng quen dồn nhiều hóa đơn thanh toán 1 lần), kế toán chọn mục “Bán hàng” trong phân hệ “Bán hàng” chọn “Thu tiền”. Hoặc vào phân hệ “Bán hàng”, sau đó chọn “ Xử lý hóa đơn đầu ra” rồi chọn “ lập chứng từ mua hàng”, tiếp theo chọn “Thu tiền ngay”, khi khách hàng thanh toán, sau đó nhập thêm các thông tin cần thiết và thực hiện hạch toán vào hệ thống. Nhấn “Cất” để phần mềm sẽ tự động cập nhật và lưu trữ các thông tin vào hệ thống. Cách khác

kế toán vào thẳng phân hệ “Tiền mặt” rồi chọn “Phiếu thu” hoặc phân hệ “Tiền gửi” rồi chọn “Phiếu thu” để nhập liệu.

2.2.1.4. *Nghiệp vụ minh họa.*

Trong năm, AUD Việt Nam có phát sinh từ dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn. Dưới đây là hai nghiệp vụ minh họa thực tế về doanh thu bán hàng và CCDV của đơn vị, gồm:

- Nghiệp vụ 1: Doanh thu cung cấp dịch vụ Kế toán và tư vấn.
- Nghiệp vụ 2: Doanh thu cung cấp dịch vụ Kiểm toán BCTC.
- ❖ *Nghiệp vụ minh họa 1: Doanh thu cung cấp dịch vụ kế toán:*

Ngày 31/10/2023, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam ký với Công Ty TNHH Giải pháp và Công nghệ BEPLUS Hợp đồng dịch vụ số 39-TC23/HĐ-AUD. Ngày 27/03/2025, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam cung cấp dịch vụ kế toán và tư vấn cho Công Ty TNHH Giải pháp và Công nghệ BEPLUS theo Hóa đơn GTGT số 240. Giá trị dịch vụ là 7.000.000 VND, thuế GTGT 8% là 560.000 VND, tổng giá thanh toán 7.560.000 VND. Khách hàng chưa thanh toán.

Trước khi nhập liệu vào phần mềm kế toán AMIS , kế toán thu thập đầy đủ bộ chứng từ bao gồm: Hợp đồng dịch vụ số 39-TC23/HĐ-AUD, hóa đơn GTGT số 240.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)



Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No): **1C25TVN**
Số (No.): **00000240**

Ngày (date) 27 tháng (month) 03 năm (year) 2025
Mã CQT: 002F31F79712DB4C23A9EB28C74EABB36B

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM
Mã số thuế (Tax code): 0401980437
Địa chỉ (Address): 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 02363633399
Số tài khoản (A/C No):

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP VÀ CÔNG NGHỆ BEPLUS
Địa chỉ (Address): 170 - 172 Xuân Thủy, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế (Tax code): 0401972637
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Phí dịch vụ theo hợp đồng dịch vụ số 39-TC23/HD-AUD ngày 31/10/2023. (tháng 03/2025)		1	7.000.000	7.000.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					7.000.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	560.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					7.560.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM

Ngày ký: 27 / 03 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 279JVB3DGUG8

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình ảnh 2: Hóa đơn GTGT số 240.

Đầu tiên, kế toán vào phân hệ “Bán hàng”, sau đó chọn “Xử lý hóa đơn đầu ra” rồi chọn “lập chứng từ bán hàng”, tiếp theo chọn “Chưa thu tiền” khi khách hàng chưa thanh toán, sau đó nhập thêm các thông tin cần thiết và thực hiện ghi nhận nghiệp vụ vào phần mềm.

số 313. Giá trị dịch vụ là 27.777.778 VND, thuế GTGT 8% là 2.222.222 VND, tổng giá thanh toán 30.000.000 VND. Khách hàng chưa thanh toán.

Trước khi nhập liệu vào phần mềm kế toán AMIS, kế toán thu thập đầy đủ bộ chứng từ bao gồm: Hợp đồng Kiểm toán BCTC số 111-TC24/HĐ-AUD (Phụ lục 1-Hợp đồng Kiểm toán BCTC số 111-TC24/HĐ-AUD), Hóa đơn GTGT số 313.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)



Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
 (Electronic invoice display)
 Ngày (date) 31 tháng (month) 03 năm (year) 2025
Mã CQT: 00DFB3F24FFFBA4F4780F4E5B851056F57

Ký hiệu (Serial No): **1C25TVN**
 Số (No.): **00000313**

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM
Mã số thuế (Tax code): 0401980437
Địa chỉ (Address): 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 02363633399
Số tài khoản (A/C No):

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH PURE
Địa chỉ (Address): K14/1 Đường Trần Phước Thành, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế (Tax code): 0401299612
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Phí kiểm toán báo cáo tài chính theo hợp đồng kiểm toán số 111-TC24/HĐ-AUD ngày 31/10/2024.		1	27.777.778	27.777.778
Cộng tiền hàng (Total amount):					27.777.778
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.222.222
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					30.000.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba mươi triệu đồng

Người mua hàng (Buyer)
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Sign & Fullname)

Signature valid
 Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM**
 Ngày ký: 31 / 03 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
 Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.yin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 22TCQ5D6Y1DA
 Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình ảnh 4: Hóa đơn GTGT số 313.

Đầu tiên, kế toán vào phân hệ “Bán hàng”, sau đó chọn “Xử lý hóa đơn đầu ra” rồi chọn “lập chứng từ bán hàng”, tiếp theo chọn “Chưa thu tiền” khi khách hàng chưa thanh toán, sau đó nhập thêm các thông tin cần thiết và thực hiện ghi nhận nghiệp vụ vào phần mềm.

Chứng từ bán hàng BH313 1. Bán hàng hóa trong nước

☒ Chưa thu tiền
 ☐ Thu tiền ngay
 Tiền mặt
 ☐ Kiểm phiếu xuất
 ☒ Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ Hóa đơn

Mã khách hàng PURE +	Tên khách hàng Công ty TNHH PURE	Mã số thuế/CCCD chủ hộ 0401351887	Ngày hạch toán 31/03/2025	Tổng tiền thanh toán 30.000.000
Người liên hệ	Địa chỉ K14/1 Đường Trần Phước Thành, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Ngày chứng từ 31/03/2025		
Nhân viên bán hàng	Diễn giải Bán hàng theo hóa đơn số 313-111-TC24/HĐ-AUD ngày 31/10/2024.	Số chứng từ BH313		
Tham chiếu 313 ...				
Điều khoản thanh toán	Số ngày được nợ	Hạn thanh toán		

Hàng tiền Loại tiền VND Chiết khấu Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Chiết khấu thương mại	TK công nợ	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Đổi tương	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT
1	KTTC	Kiểm toán BTC		131111	5113		1,0000	27.777.778,0000	27.777.778	PURE	8	2.222.222	33311
							1,0000	27.777.778	2.222.222				

Tổng số: 1 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Hình ảnh 5: Màn hình nhập liệu Hóa đơn GTGT số 313 trên phần mềm.

Sau khi nhập số liệu đầy đủ, dữ liệu sẽ được cập nhật lên sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 511 và sổ chi tiết TK 5113.

Công Ty TNHH Hàng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025

Đơn vị tính : VND

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
3590	NVK0011/03	27/03/25	hạch toán công tác phí đi quy nhơn từ ngày 24-26.03.2025 của Phan Thanh Phong	141	NV 1	5.324.756
3591	BH240	27/03/25	Bán hàng theo hóa đơn số 240-29-TC23/HĐ-AUD ngày 31/10/2023	131142	7.000.000	
3591	BH240	27/03/25	Bán hàng theo hóa đơn số 240-29-TC23/HĐ-AUD ngày 31/10/2023	5113		7.000.000
3591	BH240	27/03/25	Bán hàng theo hóa đơn số 240-29-TC23/HĐ-AUD ngày 31/10/2023	131142	560.000	
...	...	...	...	...	...	...
3703	UNC468	31/03/25	Chi tiền cho TRUNG TÂM ĐẦU THẦU QUA MẠNG QUỐC GIA phí trúng thầu ib186-187-079-637	11211	NV 2	330.000
3704	BH313	31/03/25	Bán hàng theo hóa đơn số 313-111-TC24/HĐ-AUD ngày 31/10/2024.	131111	27.777.778	
3704	BH313	31/03/25	Bán hàng theo hóa đơn số 313-111-TC24/HĐ-AUD ngày 31/10/2024.	5113		27.777.778
3704	BH313	31/03/25	Bán hàng theo hóa đơn số 313-111-TC24/HĐ-AUD ngày 31/10/2024.	131111	2.222.222	
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng					212.732.556.974	212.732.556.974

Hình ảnh 6: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 - 30/09/2025.

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam						Mẫu số: S03b-DN		
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.						(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và CCDV						Đơn vị tính : VND		
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D			E	1	2
...	...	...	...	...	...	...		...
26/03/2025	BH 239	26/03/2025	Bán hàng theo hóa đơn số 239-250-TC24/HĐ-AUD ngày 02/12/2024.			131121	NV 1	20.000.000
27/03/2025	BH 240	27/03/2025	Bán hàng theo hóa đơn số 240-29-TC23/HĐ-AUD ngày 31/10/2023			131142		7.000.000
27/03/2025	BH 241	27/03/2025	Bán hàng theo hóa đơn số 241- 105-TC24/HĐ-AUD ngày 31/10/2024			131111		35.000.000
...	...	...	...	...	...	...		...
30/03/2025	BH312	30/03/2025	Bán hàng theo hóa đơn số 312-33-TC25/HĐ-AUD ngày 07/03/2025			131111	NV 2	20.000.000
31/03/2025	BH313	31/03/2025	Bán hàng theo hóa đơn số 313-111-TC24/HĐ-AUD ngày 31/10/2024.			131111		27.777.778
...	...	...	...	...	...	...		...
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 9.25			911	4.135.683.813	
			Cộng số phát sinh				24.137.729.095	24.137.729.095
			Số dư cuối kỳ				0	0
			Cộng lũy kế từ đầu năm				24.137.729.095	24.137.729.095

Hình ảnh 7: Trích sổ cái tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và CCDV.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 5113, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 5113 - Doanh thu dịch vụ							24.137.729.095	24.137.729.095
...	...	...	...	...	...	...		
26/03/2025	26/03/2025	BH 239	26/03/2025	239	Bán hàng theo hóa đơn số 239-250-TC24/HĐ-AUD ngày 02/12/2024.	131121	NV 1	20.000.000
27/03/2025	27/03/2025	BH 240	27/03/2025	240	Bán hàng theo hóa đơn số 240-29-TC23/HĐ-AUD ngày 31/10/2023	131142		7.000.000
27/03/2025	27/03/2025	BH 241	27/03/2025	241	Bán hàng theo hóa đơn số 241- 105-TC24/HĐ-AUD ngày 31/10/2024	131111		35.000.000
...	...	...	...	...	...	...		
30/03/2025	30/03/2025	BH312	30/03/2025	312	Bán hàng theo hóa đơn số 312-33-TC25/HĐ-AUD ngày 07/03/2025	131111	NV 2	20.000.000
31/03/2025	31/03/2025	BH313	31/03/2025	313	Bán hàng theo hóa đơn số 313-111-TC24/HĐ-AUD ngày 31/10/2024.	131111		27.777.778
...	...	...	...	...	...	...		
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09			Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 9.25	911	4.135.683.813	
					- Cộng số phát sinh		24.137.729.095	24.137.729.095
					- Số dư cuối kỳ		0	0
					- Cộng lũy kế từ đầu năm		24.137.729.095	24.137.729.095

Hình ảnh 8: Trích sổ chi tiết tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và CCDV.

2.2.2. Kế toán Các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong năm đơn vị không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.3. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính tại đơn vị.

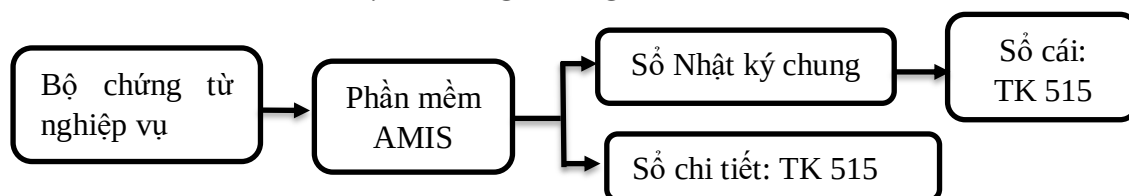
2.2.3.1. Đặc điểm Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính của đơn vị mang tính không thường xuyên và chủ yếu đến từ lãi tiền gửi ngân hàng.

2.2.3.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- a. Chứng từ sử dụng:
 - Sao kê tiền gửi ngân hàng;
 - Giấy báo có;
 - Các chứng từ khác liên quan....
- b. Sổ sách sử dụng:
 - Sổ tổng hợp;
 - + Sổ Nhật ký chung;
 - + Sổ cái TK 515.
 - Sổ chi tiết: TK 515.

2.2.3.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.



Sơ đồ 20: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính

Khi nhận được giấy báo có, sao kê ngân hàng hoặc các chứng từ liên quan khác của ngân hàng về khoản doanh thu hoạt động tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng), kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm.

Đầu tiên, vào phân hệ tổng hợp, chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác”, chọn “thêm”, kế toán thực hiện nhập liệu những thông tin cần thiết sau đó bấm “Cất”. Hoặc kế toán cũng có thể vào thẳng phân hệ “Tiền gửi” để thực hiện hạch toán. Đầu tiên chọn “Thu, chi tiền”, sau đó chọn “Thu tiền”, chọn “Thu khác” rồi nhập các thông tin cần thiết rồi sau đó bấm “Cất”. Cách khác, để tránh những sai sót thủ công kế toán có thể thực hiện đồng bộ sao kê bằng cách đẩy thông tin từ file excel lên phần mềm để hạch toán, sau đó thay đổi một số thông tin cần thiết như diễn giải, tài khoản Nợ, Có,... sau đó bấm “Cất”.

2.2.3.4. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 25/02/2025, AUD Việt Nam nhận được giấy báo có của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB) về khoản lãi tiền gửi không kỳ hạn với số tiền lãi là 2.597 VND.

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, kế toán thực hiện hạch toán vào phần mềm kế toán AMIS.

GIAY BAO CO/CREDIT NOTE

Don vi: ACB - PGD HAI CHAU
Branch

Ngày/Date : 25-02-2025

Ma GDV: COMPUTER
Staff code

Ma KH: 1895397
Per/Org

So GD: 3989
Transaction No

Kính gửi: CTY TNHH HANG KIEM TOAN VA TU VAN AUD VIET NAM
To

Ma so thue: 0401980437
Tax ID

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CO tại khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau:
Today, we would like to inform to credit your account with the following information

So tài khoản ghi CO: 920236886
Credit account

So tiền bằng số: 2,597 VND
Amount

So tiền bằng chữ: HAI NGAN NAM TRAM CHIN MUOI BAY DONG CHAN
In words

Nội dung: Lai nhập vốn
Details

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
25/02/2025 23:24:50
ACB Signature

Hình ảnh 9: Giấy báo có của ngân hàng ACB.

Đầu tiên vào phân hệ tiền gửi, chọn thu/chi tiền, tiếp theo chọn thu tiền (thu khác), kế toán điền đầy đủ thông tin như ngày chứng từ, tên đối tượng,... và thực hiện hạch toán lên phần mềm.

Thu tiền gửi NTKK0064/02 7. Thu khác +

Mã đối tượng Tên đối tượng Ngày hạch toán Tổng tiền

Địa chỉ Ngày chứng từ

Nộp vào tài khoản Số chứng từ

Nhân viên thu nợ Lý do thu

Tham chiếu

Hạch toán

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Tên đối tượng	Công trình
1	Thu lãi TGNG tháng 2.2025	11211	515	2.597			
				2.597			

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Hình ảnh 10: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.

Sau khi hạch toán và bấm chốt, dữ liệu tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan như sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515, sổ chi tiết TK 515.

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam				Mẫu số S03a-DN		
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025						
Đơn vị tính : VND						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
1810	BH67	25/02/25	Bán hàng theo hóa đơn số 197 (hđ số 116-TC23/HĐ-AUD ngày 14/12/2023)	131121	2.400.000	
1810	BH67	25/02/25	Bán hàng theo hóa đơn số 197 (hđ số 116-TC23/HĐ-AUD ngày 14/12/2023)	3331		2.400.000
1811	NTTK0064/02	25/02/25	Thu lãi TGNG tháng 2.2025	11211	2.597	
1811	NTTK0064/02	25/02/25	Thu lãi TGNG tháng 2.2025	515		2.597
1812	NVK65/02	27/02/25	Hạch toán tiền grab đi lại của Tổng Giám đốc	6427	92.593	
1812	NVK65/02	27/02/25	Hạch toán tiền grab đi lại của Tổng Giám đốc	141		92.593
....						
Tổng cộng					212.732.556.974	212.732.556.974

Hình ảnh 11: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam						Mẫu số: S03b-DN		
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.						(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính						Đơn vị tính : VND		
STT	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D			E	1	2
...	...	...	...			...	...	...
12/02/2025	NTTK0021/02	12/02/2025	Thu tiền lãi của Ngân hàng NN &PTNT Việt Nam chi nhánh Chợ Cồn Nam Đà nẵng			11212		535.100
25/02/2025	NTTK0061/02	25/02/2025	Thu tiền của lãi chi nhánh TP HÀ NỘI-tháng 2			11214		12
25/02/2025	NTTK0064/02	25/02/2025	Thu lãi TGNG tháng 2.2025			11211		2.597
28/02/2025	NTTK0069/02	28/02/2025	Thu lãi TGNG tháng 1.2025			11212		1.700
....								
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 9.25			911	12.720.605	
			Cộng số phát sinh				31.087.171	31.087.171
			Số dư cuối kỳ				0	0
			Cộng lũy kế từ đầu năm				31.087.171	31.087.171

Hình ảnh 12: Trích sổ cái tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 515, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính							31.087.171	31.087.171
.....								
12/02/2025	12/02/2025	NTTK0021/02			Thu tiền lãi của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam chi nhánh Chợ Cồn Nam Đà Nẵng	11212		535.100
25/02/2025	25/02/2025	NTTK0061/02			Thu tiền của lãi chi nhánh TP HÀ NỘI-tháng 2	11214		12
25/02/2025	25/02/2025	NTTK0064/02			Thu lãi TGNG tháng 2.2025	11211		2.597
28/02/2025	28/02/2025	NTTK0069/02			Thu lãi TGNG tháng 1.2025	11212		1.700
....								
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 9.25	911	12.720.605	
					- Cộng số phát sinh		31.087.171	31.087.171
					- Số dư cuối kỳ		0	0
					- Cộng lũy kế từ đầu năm		31.087.171	31.087.171

Hình ảnh 13: Trích sổ chi tiết tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

2.2.4. Kế toán Thu nhập khác tại đơn vị.

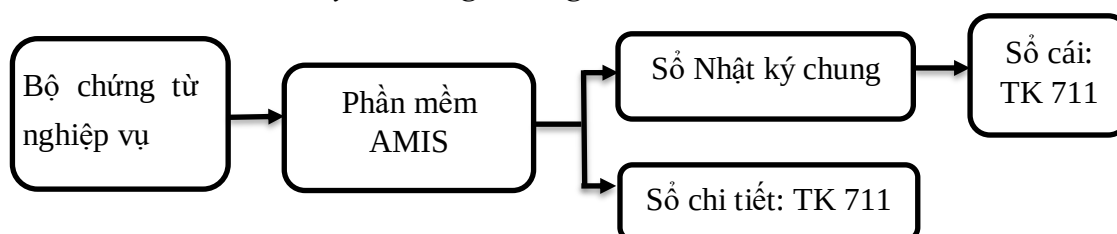
2.2.4.1. Đặc điểm thu nhập khác.

Nguồn thu nhập khác của đơn vị chủ yếu đến từ lợi ích hợp tác với đơn vị khác (Lợi ích hợp tác là việc AUD Việt Nam giới thiệu cho khách hàng sử dụng phần mềm kế toán của MISA nên được trích % hoa hồng), số ít đến từ việc hoàn lại tiền học của nhân viên, hoàn chênh lệch thuế do làm tròn...

2.2.4.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- a. Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo có, phiếu thu;
 - Chứng từ kế toán;
 - Hóa đơn GTGT.
- b. Sổ sách sử dụng:
 - Sổ tổng hợp;
 - + Sổ Nhật ký chung;
 - + Sổ cái TK 711.
 - Sổ chi tiết: TK 711.

2.2.4.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.



Sơ đồ 21: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Thu nhập khác.

Khi phát sinh nghiệp vụ thu nhập khác, kế toán lập hóa đơn GTGT hoặc khi nhận được giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu về khoản thu nhập khác, kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm.

Đầu tiên, vào phân hệ tổng hợp, chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác”, chọn “thêm”, kế toán thực hiện nhập liệu những thông tin cần thiết sau đó bấm “Cất”. Hoặc khi có sao kê ngân hàng, kế toán có thể đồng bộ qua file excel để đẩy thông tin của sao kê lên phần mềm, sau đó thay đổi một số thông tin cần thiết như diễn giải, tài khoản Nợ, Có,... sau đó bấm “Cất”.

Hoặc kế toán cũng có thể vào thẳng phân hệ “Tiền gửi” nếu thanh toán bằng chuyển khoản (hoặc phân hệ “tiền mặt” nếu thanh toán bằng tiền mặt) để thực hiện hạch toán. Đầu tiên chọn “Thu, chi tiền”, sau đó chọn “Thu tiền”, chọn “Thu khác” rồi nhập các thông tin cần thiết rồi sau đó bấm “Cất”. Cách khác, để tránh những sai sót thủ công kế toán có thể thực hiện đồng bộ sao kê bằng cách đẩy thông tin từ file excel lên phần mềm để hạch toán như nhập liệu ở phân hệ “Tổng hợp”.

Trường hợp đơn vị xuất hóa đơn GTGT đầu ra, kế toán vào thẳng phân hệ bán hàng và thực hiện như quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và CCDV.

2.2.4.4. *Nghiệp vụ minh họa.*

Ngày 01/02/2024, Công ty THHH Hăng kiểm toán và tư vấn AUD Việt Nam ký với Công ty Cổ phần MISA hợp đồng phát triển nền tảng MISA ASP số HĐHTKD-MISA-ASP/2024/123. Ngày 10/04/2025, AUD Việt Nam xuất hóa đơn GTGT số 362 và nhận được khoản lợi ích hợp tác từ hợp tác phát triển nền tảng MISA ASP 777.778 VNĐ, thuế GTGT 62.222 VNĐ (thuế suất thuế GTGT 8%). MISA chưa thanh toán khoản thu nhập trên.

Đầu tiên, kế toán thu thập đầy đủ bộ chứng từ gồm: Hợp đồng HĐHTKD-MISA-ASP/2024/123, hóa đơn GTGT số 362. Tiếp theo kiểm tra tính hợp lý và chính xác của bộ chứng từ rồi thực hiện hạch toán.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)



Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 10 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Mã QGT: 00A648AF1F2E2747CE993505671A827DD5

Ký hiệu (Serial No.): 1C25TVN

Số (No.): 00000362

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code) : 0401980437

Địa chỉ (Address) : 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : 02363633399

Số tài khoản (A/C No) :

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN MISA

Địa chỉ (Address): Tầng 9, tòa nhà Technosoft, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0101243150

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Lợi ích hợp tác tháng 03/2025 theo hợp đồng hợp tác phát triển nền tảng MISA ASP số HĐHTKD-MISA-ASP/2024/123 ngày 01/02/2024.	tháng	1	777.778	777.778
Cộng tiền hàng (Total amount):					777.778
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	62.222
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					840.000
Số tiền viết bằng chữ (In words): Tám trăm bốn mươi nghìn đồng					

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM

Ngày ký: 10 / 04 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.yin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1MPV8FUV3A5E

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình ảnh 14: Hóa đơn GTGT (đầu ra) số 362.

Trước tiên, kế toán vào phân hệ “Bán hàng”, sau đó chọn “Xử lý hóa đơn đầu ra” rồi chọn “lập chứng từ bán hàng”, tiếp theo chọn “Chưa thu tiền” khi khách hàng chưa thanh toán, sau đó nhập thêm các thông tin cần thiết và thực hiện ghi nhận nghiệp vụ vào phần mềm.

Chứng từ bán hàng BH362 1. Bán hàng hóa trong nước Nhập số phiếu xuất Hướng dẫn sử dụng

☒ Chưa thu tiền
 ☐ Thu tiền ngay
 Tiền mặt
 ☐ Kiểm phiếu xuất
 ☒ Lập kèm hóa đơn
 ĐĂNG LẬP HÓA ĐƠN

Chứng từ ghi nợ Hóa đơn

Mã khách hàng: MISA Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN MISA Mã số thuế/CCCD chủ hộ: 0101243150 Ngày hạch toán: 10/04/2025 Tổng tiền thanh toán: **840.000**
 Người liên hệ: Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Technosoft, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội Ngày chứng từ: 10/04/2025
 Nhân viên bán hàng: Diễn giải: Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MISA theo hóa đơn số 362-Lợi ích hợp tác tháng 03/2 Số chứng từ: BH362
 Tham chiếu: ...
 Điều khoản thanh toán: Số ngày được nợ: Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Hàng tiền Trợ lý AI Loại tiền: VND Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Chiết khấu thương mại	TK công nợ	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Đổi tương	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT
1	HTKD	Lợi ích hợp tác kinh		13883	711	Lần	1,000	777.778,000	777.778	MISA	8	62.222	33311
							1,000	777.778				62.222	

Tổng số: 1 bản ghi 20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Hủy ☒ Hiện thị tài khoản **Cắt** **Cắt và In**

Hình ảnh 15: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS

Sau khi hạch toán, chọn bấm “Cắt” để phần mềm tự cập nhật dữ liệu lên các sổ sách liên quan như: Sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 711, sổ chi tiết TK 711.

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025						
Đơn vị tính : VND						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
4280	PC04/04	10/04/25	Chi tiền Điện thoại anh Liêm tháng 03 cho Nguyễn Thị Thanh Thủy	6427	364.941	
4280	PC04/04	10/04/25	Chi tiền Điện thoại anh Liêm tháng 03 cho Nguyễn Thị Thanh Thủy	1111		1.111
4281	BH362	10/04/25	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MISA theo hóa đơn số 362-Lợi ích hợp tác tháng 03/2025 theo hợp đồng hợp tác phát triển nền tảng MISA ASP số HĐHTKD-MISA ASP/2024/123 ngày 01/02/2024.	13883	777.778	
4281	BH362	10/04/25	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MISA theo hóa đơn số 362-Lợi ích hợp tác tháng 03/2025 theo hợp đồng hợp tác phát triển nền tảng MISA ASP số HĐHTKD-MISA ASP/2024/123 ngày 01/02/2024.	711		777.778
4281	BH362	10/04/25	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MISA theo hóa đơn số 362-Lợi ích hợp tác tháng 03/2025 theo hợp đồng hợp tác phát triển nền tảng MISA ASP số HĐHTKD-MISA ASP/2024/123 ngày 01/02/2024.	13883	62.222	
....						
			Tổng cộng		212.732.556.974	212.732.556.974

Hình ảnh 16: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 - 30/09/2025.

Công Ty TNHH Hàng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam						Mẫu số: S03b-DN		
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.						(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Tài khoản: 711 - Thu nhập khác						Đơn vị tính : VND		
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D			E	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/03/2025	NVK0008/03	15/03/2025	hạch toán thu nhập khác từ tiền hoàn trả tiền học chi Lý- FSB			331		20.400.000
31/03/2025	NVK0029/03	31/03/2025	Kết chuyển chi phí khác Quý I.25			911	21.288.889	
10/04/2025	BH362	10/04/2025	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MISA theo hóa đơn số 362-Lợi ích hợp tác tháng 03/2025 theo hợp đồng hợp tác phát triển nền tảng MISA ASP số HĐHTKD-MISA ASP/2024/123 ngày 01/02/2024.			13883		777.778
30/04/2025	NVK0055/04	30/04/2025	Hoàn CL do làm tròn thuế TNCN			13883		16
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển thu nhập khác tháng 9.25			911	3.000	
			Cộng số phát sinh				28.185.976	28.185.976
			Số dư cuối kỳ				0	0
			Cộng lũy kế từ đầu năm				28.185.976	28.185.976

Hình ảnh 17: Trích sổ cái TK 711 – Thu nhập khác.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 711, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 711 - Thu nhập khác							28.185.976	28.185.976
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	31/03/2025	NVK0029/03			Kết chuyển chi phí khác Quý I.25	911	21.288.889	
10/04/2025	10/04/2025	BH362	10/04/2025	362	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN MISA theo hóa đơn số 362-Lợi ích hợp tác tháng 03/2025 theo hợp đồng hợp tác phát triển nền tảng MISA ASP số HĐHTKD-MISA ASP/2024/123 ngày 01/02/2024.	13883		777.778
30/04/2025	30/04/2025	NVK0055/04			Hoàn CL do làm tròn thuế TNCN	13883		16
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09			Kết chuyển thu nhập khác tháng 9.25	911	3.000	
					- Cộng số phát sinh		28.185.976	28.185.976
					- Số dư cuối kỳ		0	0
					- Cộng lũy kế từ đầu năm		28.185.976	28.185.976

Hình ảnh 18: Trích sổ chi tiết TK 711 – Thu nhập khác.

2.2.5. Kế toán Giá vốn hàng bán tại đơn vị.

2.2.5.1. Đặc điểm Giá vốn hàng bán.

Giá vốn của đơn vị chủ yếu đến từ chi phí tiền lương nhân viên bộ phận trực tiếp và các khoản trích theo lương, ngoài ra còn có công tác phí và một số chi phí khác như: Phí phần mềm kế toán, văn phòng phẩm (giấy tờ in ấn hồ sơ...), phí gửi hồ sơ, lương của thực tập sinh, học việc thời vụ, cơm ca...Các chi phí liên quan được

theo dõi và tập hợp theo từng khách hàng trên sổ 154 chi tiết rồi cuối kỳ kết chuyển vào TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Vì trước năm 2025 đơn vị có cung cấp dịch vụ xây lắp nên có sử dụng tài khoản 621, 622, 623... để theo dõi và tập hợp chi phí của dịch vụ xây lắp, còn chi phí liên quan đến dịch vụ Kế toán, Kiểm toán sẽ được sử dụng tài khoản 154 chi tiết để theo dõi.

2.2.5.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

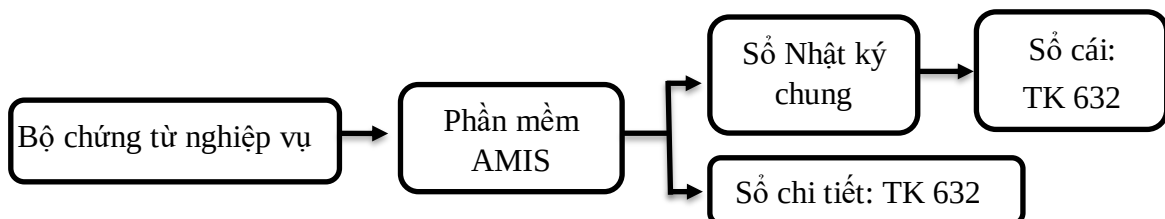
a. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế;
- Hóa đơn GTGT;
- Bảng tổng hợp chi phí lương và các khoản trích theo lương;
- Bảng tổng hợp công tác phí...
- Sổ sách liên quan (Sổ cái TK 154, Sổ chi tiết 15431, 15432, 15433);
- Các chứng từ liên quan khác...

b. Sổ sách sử dụng:

- Sổ tổng hợp:
 - + Sổ Nhật ký chung;
 - + Sổ cái TK 632;
- Sổ chi tiết: TK 632.

2.2.5.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.



Sơ đồ 22: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Giá vốn hàng bán.

Sau khi tập hợp chi phí liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị trên sổ 154, kế toán thực hiện kết chuyển sang tài khoản 632 để tính giá thành dịch vụ.

Đầu tiên vào phân hệ “Tổng hợp”, chọn “chứng từ nghiệp vụ khác”, sau đó kế toán thực hiện nhập liệu đầy đủ các thông tin như diễn giải, ngày chứng từ, số chứng từ, tài khoản Nợ/Có và hạch toán vào phần mềm sau đó bấm “Cất” để dữ liệu tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan.

2.2.5.4. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 31/03/2025, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí từ sổ TK 15431 – Chi phí lương trực tiếp, TK 15432 – Công tác phí, TK 15433 – Chi phí chung để tính

Sau khi nhập liệu xong chứng từ, kế toán bấm “Cất để dữ liệu tự động cập nhật lên các sổ liên quan như: Sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 632, sổ chi tiết 632.

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025						
Đơn vị tính : VND						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
3913	NVK0027/03	31/03/2025	phí kiểm toán	15431	329.709.266	
3913	NVK0027/03	31/03/2025	phí kiểm toán	3348		329.709.266
3914	NVK0028/03	31/03/2025	Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	632	3.477.763.529	
3914	NVK0028/03	31/03/2025	Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	15431		3.477.763.529
3914	NVK0028/03	31/03/2025	Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	632	958.188.538	
3914	NVK0028/03	31/03/2025	Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	15432		958.188.538
3914	NVK0028/03	31/03/2025	Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	632	220.684.630	
3914	NVK0028/03	31/03/2025	Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	15433		220.684.630
3915	NVK0029/03	31/03/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 3.25	5113	7.550.574.492	
....						
			Tổng cộng		212.732.556.974	212.732.556.974

Hình ảnh 21: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.						Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán						Đơn vị tính : VND		
STT	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D			E	1	2
...	...	...	...			...	...	...
31/12/2024	NVK0034/12	31/12/2024	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 12.24			911		811.432.749
31/03/2025	NVK0028/03	31/03/2025	Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25			15431	3.477.763.529	
31/03/2025	NVK0028/03	31/03/2025	Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25			15432	958.188.538	
31/03/2025	NVK0028/03	31/03/2025	Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25			15433	220.684.630	
31/03/2025	NVK0029/03	31/03/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý I.25			911		4.656.636.697
....								
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 9.25			911		2.506.405.116
			Cộng số phát sinh				14.063.750.619	14.063.750.619
			Số dư cuối kỳ				0	0
			Cộng lũy kế từ đầu năm				14.063.750.619	14.063.750.619

Hình ảnh 22: Trích sổ cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 632, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán							14.063.750.619	14.063.750.619
.....								
31/12/2024	31/12/2024	NVK0034/12			Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 12.24	911		811.432.749
31/03/2025	31/03/2025	NVK0028/03			Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	15431	3.477.763.529	
31/03/2025	31/03/2025	NVK0028/03			Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	15432	958.188.538	
31/03/2025	31/03/2025	NVK0028/03			Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	15433	220.684.630	
31/03/2025	31/03/2025	NVK0029/03			Kết chuyển giá vốn hàng bán quý I.25	911		4.656.636.697
....								
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09			Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 9.25	911		2.506.405.116
					- Cộng số phát sinh		14.063.750.619	14.063.750.619
					- Số dư cuối kỳ		0	0
					- Cộng lũy kế từ đầu năm		14.063.750.619	14.063.750.619

Hình ảnh 23: Trích sổ chi tiết tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

2.2.6. Kế toán Chi phí bán hàng tại đơn vị.

Trong năm đơn vị không phát sinh chi phí bán hàng.

2.2.7. Kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp tại đơn vị.

2.2.7.1. Đặc điểm Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí QLDN của đơn vị có đặc trưng riêng của đơn vị chuyên cung cấp dịch vụ kiểm toán, kế toán là chi phí chiếm tỉ trọng lớn nhất là chi phí lương và các khoản trích theo lương tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ngoài ra còn có 1 số chi phí khác như chi phí rủi ro nghề nghiệp, chi phí học tập của nhân viên, chi phí công tác, cơm ca, đồ dùng văn phòng (giấy, mực in, bút...), tiếp khách, khấu hao TSCĐ, điện, nước, dịch vụ viễn thông, các loại phí, lệ phí (phí ngân hàng...), chi phí đi lại của ban giám đốc.....

Đặc biệt, chi phí lương của đơn vị được tính dựa trên doanh thu. Cụ thể, lương hàng tháng của bộ phận quản lý chiếm 15% tổng doanh thu bán hàng và CCDV tháng. Hàng tháng kế toán tính lương và trả trước một phần lương theo thỏa thuận trên hợp đồng lao động, cuối năm tài chính sẽ quyết toán số lương còn lại cho toàn bộ nhân viên của đơn vị.

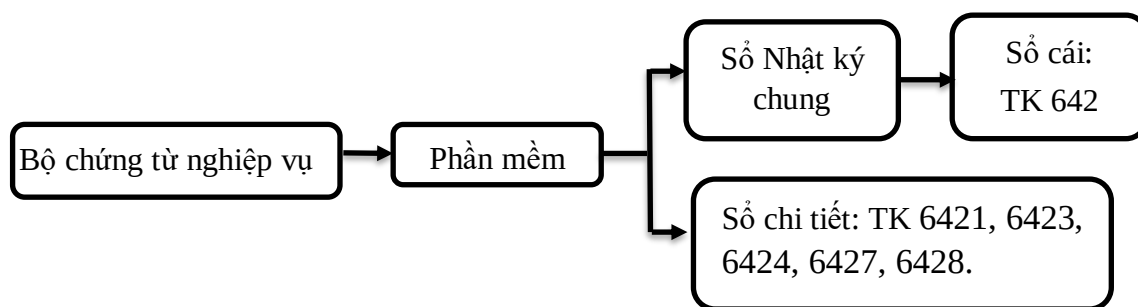
2.2.7.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng;
- Chứng từ kế toán;
- Phiếu chi tiền mặt, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ;
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương;
- Bảng tính khấu hao và phân bổ CCDC;

- Giấy nộp tiền vào NSNN....
- b. Sổ sách sử dụng:
 - Sổ tổng hợp:
 - + Sổ Nhật ký chung;
 - + Sổ cái TK 642;
 - Sổ chi tiết: TK 6421, 6423, 6424, 6427, 6428.

2.2.7.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.



Sơ đồ 23: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp

Khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí QLDN, kế toán thu thập đầy đủ hóa đơn, chứng từ rồi thực hiện nhập liệu vào phần mềm.

Đầu tiên, vào phân hệ tổng hợp, chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác”, chọn “thêm”, kế toán thực hiện nhập liệu những thông tin cần thiết sau đó bấm “Cất”.

Hoặc kế toán cũng có thể vào thẳng phân hệ “Tiền gửi” nếu thanh toán bằng chuyển khoản (hoặc phân hệ “tiền mặt” nếu thanh toán bằng tiền mặt) để thực hiện hạch toán. Đầu tiên chọn “Thu, chi tiền”, sau đó chọn “Thu tiền”, chọn “Thu khác” rồi nhập các thông tin cần thiết rồi sau đó bấm “Cất”.

2.2.7.4. Nghiệp vụ minh họa.

Trong năm, đơn vị phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp. Dưới đây là 2 nghiệp vụ minh họa cho chi phí quản lý doanh nghiệp của đơn vị:

- Nghiệp vụ minh họa 1: Chi phí công tác của bộ phận quản lý.
- Nghiệp vụ minh họa 2: Chi phí lương của bộ phận quản lý.
- ❖ *Nghiệp vụ minh họa 1: Chi phí công tác của bộ phận quản lý.*

Ngày 24/06/2025, ông Trương Văn Minh đi công tác ở miền bắc bằng đường hàng không theo hóa đơn số 422. Tổng thanh toán là 2.103.000 VND, trong đó giá chưa thuế là 1.420.370, thuế GTGT là 113.630 VND, thuế khác là 569.000 VND.

Căn cứ vào bộ chứng từ bao gồm: Giấy đi đường (Phụ lục 2 - Giấy đi đường), Thẻ lên máy bay (Phụ lục 3 – Thẻ lên máy bay) và hóa đơn GTGT 422, kế toán kiểm tra tính hợp lệ và chính xác của hóa đơn rồi thực hiện hạch toán vào phần mềm.

 **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẢO VÂN GIA**
Mã số thuế (Tax code): 0401411649
Địa chỉ (Address): 207 Huy Cận, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0935 709 819 Email: phongvebaovangia@gmail.com
Số tài khoản (Bank account): 0041000134627 - NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Ký hiệu (Sign): 1C25TYYY
Số (No): 00000422

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 24 tháng (month) 6 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 0026BDB5E0FB224CAA87090E6246618043

Họ tên người mua hàng (Buyer): TRUONG VAN MINH

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0401980437

Địa chỉ (Address): 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.

1. Giá cước (Fare) :

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Hành trình (Route)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Vé Máy Bay	DAD-HAN	1	1.369.000	1.369.000
Tổng số tiền (Total):					1.369.000
1.1 Thuế suất GTGT (VAT rate):			8 %	Tiền Thuế GTGT (VAT):	109.520
2. Phí khác (other Fees/Charges) :					51.370
2.1 Thuế Suất GTGT trên phí khác (VAT rate):			8 %	Tiền Thuế GTGT (VAT):	4.110
3. Thuế khác (Other Taxes):					569.000
Tổng tiền thanh toán (Equivalent amount paid):					2.103.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in word): Hai triệu một trăm linh ba nghìn đồng chẵn.					
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản					

Ngày (Date) 24 tháng (month) 6 năm (year) 2025

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẢO VÂN GIA

Ký ngày: 24/06/2025

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 1PHVST9LAVNQ
Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.mieinvoice.vn/tra-cuu/>

Hình ảnh 24: Hóa đơn GTGT số 422.

Đầu tiên kế toán vào phân hệ “Tổng hợp”, chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác”, sau đó chọn “Thêm” rồi nhập các thông tin cần thiết và hạch toán vào phần mềm.

CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM																		
BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG CƠ ĐÌNH VÀ TẠM ỨNG THƯỜNG VƯỢT NĂNG SUẤT																		
THÁNG 8-2025																		
STT	Họ tên	Chức danh	Lương cố định	Nghỉ ốm, chế độ..	Mức tạm ứng thường năng suất	Lương năng suất	Các khoản phụ cấp						Tổng lương thực tế	Trừ				Còn nhận
							Chức vụ	KTV và KTV	Tiếng anh	điện thoại	Máy tính	Tổng cộng		Thuế TNCN	Tạm ứng BHXH (10.5%)	Cộng		
1	2	3	4	4a	5	6	7a	7b	7c	7d	7e	7	8	9a	9b	9c	9	10
Ban Giám đốc							14,000,000	0	0	1,000,000	600,000	15,600,000	126,920,169	2,391,000	0	6,426,000	8,817,000	118,103,169
1	Phan Văn Liêm	TGĐ	16,800,000		13,587,647	30,387,647	5,000,000				150,000	5,150,000	35,537,647	0		1,764,000	1,764,000	33,773,647
2	Ngô Lê Hải	PTGĐ	14,800,000		12,010,841	26,810,841	3,000,000			500,000	150,000	3,650,000	30,460,841	0		1,554,000	1,554,000	28,906,841
3	Vũ Gia Hưng	PTGĐ	14,800,000		12,010,841	26,810,841	3,000,000			500,000	150,000	3,650,000	30,460,841	0		1,554,000	1,554,000	28,906,841
4	Trương Văn Minh	PTGĐ	14,800,000		12,510,841	27,310,841	3,000,000				150,000	3,150,000	30,460,841	2,391,000		1,554,000	3,945,000	26,515,841
	Phong TC - Kế toán		60,900,000	0	36,293,775	97,193,775	5,500,000	0	0	700,000	450,000	6,650,000	103,843,775	0	0	6,394,500	6,394,500	97,449,275
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	KTT	13,800,000		8,810,944	22,610,944	3,000,000			200,000	150,000	3,350,000	25,960,944	0		1,449,000	1,449,000	24,511,944
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	PPHC	11,500,000		7,668,755	19,168,755	1,500,000			100,000		1,600,000	20,768,755			1,207,500	1,207,500	19,561,255
3	Phan Thanh Phong	HC	10,200,000		7,353,442	17,553,442				100,000		100,000	17,653,442	0		1,071,000	1,071,000	16,582,442
4	Đoàn Thị Kim Thanh	HC	7,000,000		3,284,377	10,284,377				100,000		100,000	10,384,377	0		735,000	735,000	9,649,377
5	Nguyễn Thị Ngọc	KT	9,200,000		5,088,128	14,288,128				100,000	150,000	250,000	14,538,128	0		966,000	966,000	13,572,128
6	Hồ Thiên Nhạc	KT	9,200,000		4,088,128	13,288,128	1,000,000			100,000	150,000	1,250,000	14,538,128	0		966,000	966,000	13,572,128
	Tổng		122,100,000	0	86,413,944	208,513,944	19,500,000	0	0	1,700,000	1,050,000	22,250,000	230,763,944	2,391,000	0	12,820,500	15,211,500	215,552,444

Hình ảnh 26: Bảng thanh toán lương cố định và tam ứng vượt năng suất tháng 8.

Đầu tiên, kế toán vào phân hệ “Tổng hợp”, chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác” và nhập các thông tin cần thiết rồi hạch toán vào phần mềm.

Hình ảnh 27: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.

Sau khi nhập liệu, kế toán kiểm tra lại thông tin và bấm “Cất” để dữ liệu tự động cập nhật lên các sổ liên quan như; Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 642, Sổ chi tiết 6421, 6427.

Công Ty TNHH Hàng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025						
Đơn vị tính : VND						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	NV 1	...
7628	NVK0051/06	30/06/25	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06	6428	1.420.370	
7628	NVK0051/06	30/06/25	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06	141		1.420.370
7628	NVK0051/06	30/06/25	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06	6428	569.000	
7628	NVK0051/06	30/06/25	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06	141		569.000
7629	NVK0052/06	30/06/25	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06	6428	1.630.556	
7629	NVK0052/06	30/06/25	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06	141		1.630.556
8383	NVK0034/08	31/08/25	Hạch toán chi phí thay mực và thuê máy photocopy tháng 8 cho Phan Thanh Phong	6427	3.750.000	
8383	NVK0034/08	31/08/25	Hạch toán chi phí thay mực và thuê máy photocopy tháng 8 cho Phan Thanh Phong	331		3.750.000
8383	NVK0035/08	31/08/25	Trích lương bộ phận gián tiếp tháng 08.2025 (15%)	6421	230.763.944	
8383	NVK0035/08	31/08/25	Trích lương bộ phận gián tiếp tháng 08.2025 (15%)	3348		230.763.944
.....						
Tổng cộng					212.732.556.974	212.732.556.974

Hình ảnh 28: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024-30/09/2025.

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.						Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp						Đơn vị tính : VND		
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D			E	1	NV 1
			...	...	...	...	...	
30/06/2025	NVK0051/06	30/06/2025	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06			141	1.420.370	
30/06/2025	NVK0051/06	30/06/2025	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06			141	569.000	
30/06/2025	NVK0052/06	30/06/2025	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06			141	1.630.556	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/08/2025	NVK0034/08	31/08/2025	Hạch toán chi phí thay mực và thuê máy photocopy tháng 8 cho Phan Thanh Phong			331	3.750.000	NV 2
31/08/2025	NVK0035/08	31/08/2025	Trích lương bộ phận gián tiếp tháng 08.2025 (15%)			3349	230.763.944	
31/08/2025	NVK0036/08	31/08/2025	Trích BHXH tính vào chi phí QL tháng 8.25			3383	37.047.500	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25			911		620.352.572
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25			911		86.735.241
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25			911		17.457.135
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25			911		130.429.503
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25			911		1.043.869.152
			Cộng số phát sinh				9.568.153.311	9.568.153.311
			Số dư cuối kỳ				0	0
			Cộng lũy kế từ đầu năm				9.568.153.311	9.568.153.311

Hình ảnh 29: Trích sổ cái tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN Tài khoản: 6427, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài							1.528.623.264	1.528.623.264
.....								
30/06/2025	30/06/2025	NVK0051/06	24/06/2025	422	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06	141	1.420.370	
30/06/2025	30/06/2025	NVK0051/06	24/06/2025	422	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06	141	569.000	
30/06/2025	30/06/2025	NVK0052/06	26/06/2025	426	Hạch toán ctp đi các tỉnh Miền Bắc của Trương Văn Minh từ ngày 23/06 đến ngày 25/06	141	1.630.556	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09			Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911		130.429.503
					- Cộng số phát sinh		1.528.623.264	1.528.623.264
					- Số dư cuối kỳ		0	0
					- Cộng lũy kế từ đầu năm		1.528.623.264	1.528.623.264

Hình ảnh 30: Trích sổ chi tiết tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 6421, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 6421 - Chi phí lương bộ phận quản lý							3.855.168.364	3.855.168.364
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/07/2025	31/07/2025	NVK0062/07			Trích BHXH tính vào chi phí QL tháng 7.25	3386	1.221.000	
31/08/2025	31/08/2025	NVK0035/08			Trích lương bộ phận gián tiếp tháng 08.2025 (15%)	3348	230.763.944	
31/08/2025	31/08/2025	NVK0036/08			Trích BHXH tính vào chi phí QL tháng 8.25	3383	21.367.500	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09			Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911		620.352.572
					- Cộng số phát sinh		3.855.168.364	3.855.168.364
					- Số dư cuối kỳ		0	0
					- Cộng lũy kế từ đầu năm		3.855.168.364	3.855.168.364

Hình ảnh 31: Trích sổ chi tiết tài khoản 6421 – Chi phí lương bộ phận quản lý.

2.2.8. Kế toán Chi phí tài chính tại đơn vị.

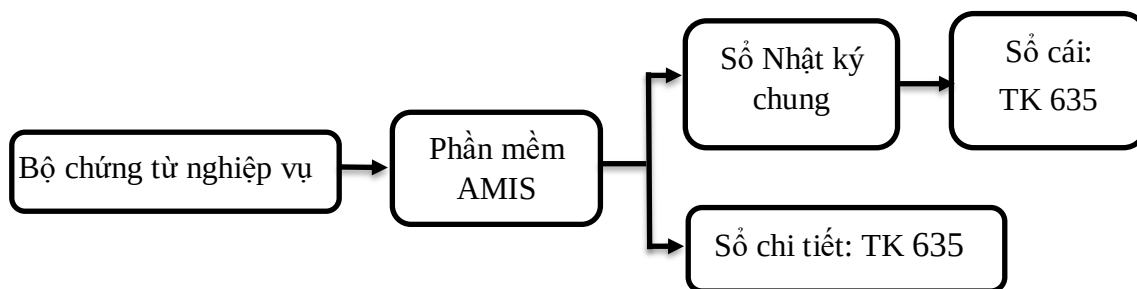
2.2.8.1. Đặc điểm chi phí tài chính.

Chi phí tài chính của đơn vị toàn bộ đều đến từ chi chí lãi vay.

2.2.8.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- a. Chứng từ sử dụng:
 - Ủy nhiệm chi, giấy báo nợ;
 - Sổ phụ ngân hàng;
 - Bảng tính lãi....
- b. Sổ sách sử dụng:
 - Sổ tổng hợp:
 - + Sổ Nhật ký chung;
 - + Sổ cái TK 635;
 - Sổ chi tiết: TK 635

2.2.8.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.



Sơ đồ 24: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Chi phí tài chính

Khi nhận được bộ chứng từ của ngân hàng về khoản doanh thu hoạt động tài chính, kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm.

Đầu tiên, vào phân hệ tổng hợp, chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác”, chọn “thêm”, kế toán thực hiện nhập liệu những thông tin cần thiết sau đó bấm “Cất”. Hoặc

khi có sao kê ngân hàng, kế toán có thể đồng bộ qua file excel để đẩy thông tin của sao kê lên phần mềm, sau đó thay đổi một số thông tin cần thiết như diễn giải, tài khoản Nợ, Có,... sau đó bấm “Cất”.

Hoặc kế toán cũng có thể vào thẳng phân hệ “Tiền gửi” để thực hiện hạch toán. Đầu tiên chọn “Thu, chi tiền”, sau đó chọn “Chi tiền”, chọn “Chi khác” rồi nhập các thông tin cần thiết rồi sau đó bấm “Cất”. Cách khác, để tránh những sai sót thủ công kế toán có thể thực hiện đồng bộ sao kê bằng cách đẩy thông tin từ file excel lên phần mềm để hạch toán như nhập liệu ở phân hệ “Tổng hợp”.

2.2.8.4. *Nghiệp vụ minh họa.*

Ngày 26/05/2025, AUD Việt Nam nhận được chứng từ giao dịch số 62 của ngân hàng AGRIBANK liên quan đến khoản thanh toán tiền lãi vay với số tiền lãi là 2.764.474 VND

Sau khi nhận được chứng từ ngân hàng, kế toán thực hiện hạch toán vào phần mềm kế toán AMIS.

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày GD: 26/05/2025
 Liên 2: Khách hàng

Mẫu số: 012/2011 Ký hiệu: LN/25
 Số chứng từ: 05260067000000062
 Ngày giá trị: 26/05/2025
 SGD: 62 SBT:

Chi nhánh: 2011 - NHNo&PTNT VN - CN Chợ Cồn - Nam Đà Nẵng
 Địa chỉ: *

Mã số thuế: 0100686174-585
 Điện thoại/Fax: (84) 511 33689106/(84) 51

Tên khách hàng: Cty TNHH Hằng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam
 T/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
 Địa chỉ: 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, ĐN
 Loại giao dịch: Trả gốc thông thường - Trả lãi bình thường
 Số giao dịch: 2011-LAV-202300651
 Số dư nợ: 2011-LRP-202505166
 Nội dung: Trả nợ vay ((13) Long term loan)

Mã số khách hàng: 2011486240767
 Mã số thuế: 0401980437

Số giải ngân: 2011-LDS-202301322
 Dư nợ: 400.985.000 VND

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Số tiền gốc	7.295.000 VND		Ngày đến hạn :25/06/2025
Tổng số tiền gốc	7.295.000 VND		
Tiền lãi	2.237.151 VND		Gốc: 408.280.000;LS: 8,00%;01/05/2025 - 25/05/2025;25 ngày
Tiền lãi	527.323 VND		Gốc: 400.985.000;LS: 8,00%;26/05/2025 - 31/05/2025;6 ngày
Tổng số lãi trong hạn	2.764.474 VND		
Lương thức thanh toán			

Khách hàng
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên
 (Mã GDV: CCOHOA)

Kiểm soát
 (Mã KS:)

Giám đốc

CCOHOA Thời gian in: 03/06/2025 17:47:36
 NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

AGRIBANK
 Mang phồn thịnh đến khách hàng

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày GD: 26/05/2025
 Liên 2: Khách hàng

Mẫu số: 012/2011 Ký hiệu: LN/25
 Số chứng từ: 05260067000000062
 Ngày giá trị: 26/05/2025
 SGD: 62 SBT:

Chi nhánh: 2011 - NHNo&PTNT VN - CN Chợ Cồn - Nam Đà Nẵng
 Địa chỉ: *

Mã số thuế: 0100686174-585
 Điện thoại/Fax: (84) 511 33689106/(84) 51

Tên khách hàng: Cty TNHH Hằng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam
 T/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
 Địa chỉ: 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, ĐN
 Loại giao dịch: Trả gốc thông thường - Trả lãi bình thường
 Số giao dịch: 2011-LAV-202300651
 Số dư nợ: 2011-LRP-202505166
 Nội dung: Trả nợ vay ((13) Long term loan)

Mã số khách hàng: 2011486240767
 Mã số thuế: 0401980437

Số giải ngân: 2011-LDS-202301322
 Dư nợ: 400.985.000 VND

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
khoản tiền gửi	10.059.474 VND		2011568687979

Khách hàng
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên
 (Mã GDV: CCOHOA)

Kiểm soát
 (Mã KS:)

Giám đốc

CCOHOA Thời gian in: 03/06/2025 17:47:36

Nguyễn Thị Mai Hoa

2/2

Hình ảnh 32: Chứng từ giao dịch số 62.

Đầu tiên vào phân hệ “Tiền gửi”, chọn “Thu, chi tiền” (Chi tiền) sau đó kế toán thực hiện nhập liệu các thông tin cần thiết như nội dung diễn giải, ngày tháng,... và thực hiện hạch toán vào phần mềm.

Ủy nhiệm chi UNC579

8. Chi khác

+

▼

Phương thức thanh toán

Ủy nhiệm chi

▼

Hướng dẫn sử dụng

☐

Là UNC chuyển tiền theo lô

Tài khoản chi

3900211030262

+

▼

Mã đối tượng

+

▼

Địa chỉ

Tài khoản nhận

▼

Nhân viên

+

▼

Tham chiếu

...

Tên đối tượng

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Ngày hạch toán

26/05/2025

Ngày chứng từ

26/05/2025

Số chứng từ

UNC579

Tổng tiền

2.764.474

Nội dung thanh toán

Chi trả tiền gốc + lãi vay

Hạch toán

AVA Kế toán

Loại tiền

VND

▼

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Tên đối tượng	Công trình	Tên công trình	
1	Chi trả tiền gốc + lãi vay	635	11212	2.764.474					
				2.764.474					

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

▼

Trước

1

Sau

Hủy

Hiện thị tài khoản

Cắt

Cắt và Thêm

Hình ảnh 33: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS

Sau khi hạch toán xong, kế toán bấm chốt để dữ liệu tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan như sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 635, sổ chi tiết TK 635.

Công Ty TNHH Hàng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam				Mẫu số S03a-DN		
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025						
Đơn vị tính : VND						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
5672	PC051/05	26/05/25	Chi tiền mua PM Misa cho KH-nam ngân	1543	2.980.000	
5672	PC051/05	26/05/25	Chi tiền mua PM Misa cho KH-nam ngân	1111		2.980.000
5673	UNC579	26/05/25	Chi trả tiền gốc + lãi vay	635	2.764.474	
5673	UNC579	26/05/25	Chi trả tiền gốc + lãi vay	11212		2.764.474
5674	UNC580	26/05/25	Hồ Thiên Nhạc trích quỹ nạp tiền vào tài khoản	11212	28.000.000	
5674	UNC580	26/05/25	Hồ Thiên Nhạc trích quỹ nạp tiền vào tài khoản	1111		28.000.000
....						
			Tổng cộng		212.732.556.974	212.732.556.974

Hình ảnh 34: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024-30/09/2025.

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.								Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)	
SỔ CÁI									
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)									
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025									
Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính						Đơn vị tính : VND			
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh		
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D			E	1	2	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
12/05/2025	UNC557	12/05/2025	Chi trả tiền gốc vay tín dụng chi lương QL (202.067.000)			11212	395.830		
12/05/2025	UNC558	12/05/2025	Chi trả tiền gốc vay 400tr (đã trả 300 còn 100)			11212	165.753		
26/05/2025	UNC579	26/05/2025	Chi trả tiền gốc + lãi vay			11212	2.764.474		
27/05/2025	UNC580	27/05/2025	Chi trả tiền gốc + lãi vay			11212	1.708.144		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí TC tháng 9.25			911		2.656.745	
			Cộng số phát sinh				54.433.056	54.433.056	
			Số dư cuối kỳ				0	0	
			Cộng lũy kế từ đầu năm				54.433.056	54.433.056	

Hình ảnh 35: Trích sổ cái tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính							54.433.056	54.433.056
...	...	...			...	...	...	...
12/05/2025	12/05/2025	UNC557			Chi trả tiền gốc vay tín dụng chi lương QL (202.067.000)	11212	395.830	
12/05/2025	12/05/2025	UNC558			Chi trả tiền gốc vay 400tr (đã trả 300 còn 100)	11212	165.753	
26/05/2025	26/05/2025	UNC579			Chi trả tiền gốc + lãi vay	11212	2.764.474	
27/05/2025	27/05/2025	UNC580			Chi trả tiền gốc + lãi vay	11212	1.708.144	
...	...	...			...	...	...	...
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09			Kết chuyển chi phí TC tháng 9.25	911		2.656.745
					- Cộng số phát sinh		54.433.056	54.433.056
					- Số dư cuối kỳ		0	0
					- Cộng lũy kế từ đầu năm		54.433.056	54.433.056

Hình ảnh 36: Trích sổ chi tiết tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

2.2.9. Kế toán Chi phí khác tại đơn vị.

2.2.9.1. Đặc điểm Chi phí khác.

Chi phí khác của đơn vị đến từ việc bị phạt chậm nộp thuế GTGT, TNCN.

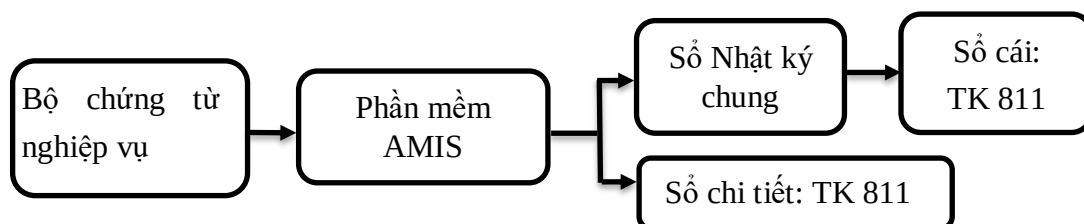
2.2.9.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

a. Chứng từ sử dụng:

- Ủy nhiệm chi;
- Giấy báo nợ;

- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước;
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước...
- b. Sổ sách sử dụng:
 - Sổ tổng hợp:
 - + Sổ Nhật ký chung;
 - + Sổ cái TK 811.
 - Sổ chi tiết: TK 811

2.2.9.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.



Sơ đồ 25: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Chi phí khác

Khi phát sinh nghiệp vụ chi phí khác, kế toán thu thập đầy đủ bộ chứng từ liên quan đến nghiệp vụ phát sinh như (Ủy nhiệm chi, biên bản thanh lý TSCĐ, quyết định phạt của cơ quan nhà nước, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước...), sau đó thực hiện nhập liệu vào phần mềm.

Đầu tiên, vào phân hệ tổng hợp, chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác”, chọn “thêm”, kế toán thực hiện nhập liệu những thông tin cần thiết sau đó bấm “Cất”. Hoặc kế toán cũng có thể vào thẳng phân hệ “Tiền gửi” nếu thanh toán bằng chuyển khoản (hoặc phân hệ “tiền mặt” nếu thanh toán bằng tiền mặt) để thực hiện hạch toán. Đầu tiên chọn “Thu, chi tiền”, sau đó chọn “Chi tiền”, chọn “Chi khác” rồi nhập các thông tin cần thiết rồi sau đó bấm “Cất”.

2.2.9.4. Nghiệp vụ minh họa.

Trong năm tài chính 2025, Công ty AUD Việt Nam đã phát sinh một số nghiệp vụ khác bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh chính, trong đó có nghiệp vụ nộp chậm thuế GTGT sau:

Ngày 08/05/2025, do chậm nộp thuế GTGT nên AUD Việt Nam bị phạt tiền chậm nộp. Theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, AUD Việt Nam đã nộp phạt số tiền chậm nộp thuế là 3.217.372 VNĐ (Thanh toán thông qua ngân hàng).

Sau khi thu thập đầy đủ bộ chứng từ bao gồm: Quyết định xử phạt từ cơ quan nhà nước, giấy nộp tiền vào NSNN, giấy báo nợ. Kế toán thực hiện kiểm tra tính hợp lý và đúng đắn của chứng từ rồi hạch toán vào phần mềm.

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: ACB2025050802726460
Số: 2025050802726460

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒ Khác:.....
Loại tiền: VND ☒ USD ☐

Số tham chiếu: 11220250321201272

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD

Mã số thuế: 0401980437

VIỆT NAM

Địa chỉ: 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung

Quận/Huyện: Quận Cẩm Lệ

Tỉnh, TP: Đà Nẵng

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Á Châu

trích TK số: 920236886

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒

TK tạm thu ☐

TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Quận Cẩm Lệ

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐

Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐

Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Quận Cẩm Lệ - Đội Thuế liên huyện Cẩm Lệ - Hòa Vang

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	7503540901400001	00/Q4/2024	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại.		3,217,372	755	4931
Tổng tiền					3,217,372		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRIỆU HAI TRĂM MƯƠI BẢY NGHÌN BA TRĂM BẢY MƯƠI HAI ĐỒNG

PHÂN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
---	--	--

13:58 8/5/25

Trà cứu giấy nộp tiền_Nộp thuế_KH Doanh nghiệp_Thuế điện tử

Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Kế toán

Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM
✓ Ngày ký :	08/05/2025 13:55:35
✓ Người ký :	CỤC THUẾ
✓ Ngày ký :	08/05/2025 13:55:34
✓ Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
✓ Ngày ký :	08/05/2025 13:55:42

Hình ảnh 37: Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước.

Đầu tiên, kế toán cũng có thể vào phân hệ “Tiền gửi” để thực hiện hạch toán. Tiếp tới chọn “Thu, chi tiền”, sau đó chọn “Chi tiền”, chọn “Chi khác” rồi nhập các thông tin cần thiết và hạch toán.

The screenshot shows the 'Ủy nhiệm chi UNC549' form in the AMIS software. The form is for a bank transfer of 3.217.372 VND. The transaction is categorized as 'Chi tiền chậm nộp thuế gtgt' (Late payment of tax). The form includes fields for the account number, bank name, date, and amount. Below the form, there is a table showing the transaction details.

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đổi tượng	Tên đối tượng
1	Chi tiền chậm nộp thuế gtgt	811	11211	3.217.372	THUE3	Thuế Cấm Lệ

Hình ảnh 38: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.

Sau khi hạch toán xong, bấm “Cắt” để dữ liệu vừa hạch toán cập nhật lên sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 811, sổ chi tiết TK 811 và các sổ sách liên quan.

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025						
Đơn vị tính : VND						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
4907	BH423	08/05/2025	Bán hàng theo hóa đơn số 423-391- TC24/HĐ-AUD ngày 31/12/2024	33311		2.000.000
4908	UNC549	08/05/2025	Chi tiền chậm nộp thuế gtgt	811	3.217.372	
4908	UNC549	08/05/2025	Chi tiền chậm nộp thuế gtgt	11211		3.217.372
4909	NVK0009/05	08/05/25	Hạch toán công tác phí đi Bình Định và Pleiku của Lê Đức Thuật từ ngày 13/04/2025 đến ngày 24/04/2025	15431	6.600.000	
4909	NVK0009/05	08/05/25	Hạch toán công tác phí đi Bình Định và Pleiku của Lê Đức Thuật từ ngày 13/04/2025 đến ngày 24/04/2025	141		6.600.000
....						
			Tổng cộng		212.732.556.974	212.732.556.974

Hình ảnh 39: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025.

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam

129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025

Tài khoản: 811 - Chi phí khác

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D			E	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/02/2025	UNC75	13/02/2025	Chi tiền chậm nộp thuế TNCN quý 3.24			11211	34.368	
31/03/2025	NVK0029/03	31/03/2025	Kết chuyển chi phí khác Quý I.25			911		635.645
08/05/2025	UNC549	08/05/2025	Chi tiền chậm nộp thuế gtgt			11211	3.217.372	
08/05/2025	UNC550	08/05/2025	Chi tiền chậm nộp thuế tncn			11211	75.946	
08/05/2025	UNC551	08/05/2025	Chi tiền chậm nộp thuế tncn			11211	12.655	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí khác tháng 9.25			911		137.351
			Cộng số phát sinh				36.325.954	36.325.954
			Số dư cuối kỳ				0	0
			Cộng lũy kế từ đầu năm				36.325.954	36.325.954

Hình ảnh 40: Trích sổ cái tài khoản 811- Chi phí khác.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 811, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 811 - Chi phí khác							36.325.954	36.325.954
...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/02/2025	13/02/2025	UNC75			Chi tiền chậm nộp thuế TNCN quý 3.24	11211	34.368	
31/03/2025	31/03/2025	NVK0029/03			Kết chuyển chi phí khác Quý I.25	911		635.645
08/05/2025	08/05/2025	UNC549			Chi tiền chậm nộp thuế ggt	11211	3.217.372	
08/05/2025	08/05/2025	UNC550			Chi tiền chậm nộp thuế tncn	11211	75.946	
08/05/2025	08/05/2025	UNC551			Chi tiền chậm nộp thuế tncn	11211	12.655	
08/05/2025	08/05/2025	UNC552			Chi tiền chậm nộp thuế tncn	11211	915.089	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09			Kết chuyển chi phí khác tháng 9.25	911		137.351
					- Cộng số phát sinh		36.325.954	36.325.954
					- Số dư cuối kỳ		0	0
					- Cộng lũy kế từ đầu năm		36.325.954	36.325.954

Hình ảnh 41: Trích sổ chi tiết cái tài khoản 811- Chi phí khác

2.2.10. Kế toán Chi phí thuế TNDN tại đơn vị.

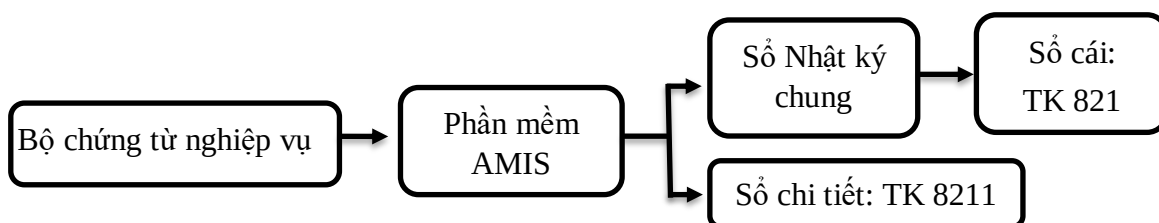
2.2.10.1. Đặc điểm Chi phí thuế TNDN.

Đối với thuế TNDN, thuế suất trong kỳ tính thuế 2024 có điều đặc biệt: giai đoạn 01/10/2024 – 31/12/2024 áp dụng mức thuế suất 20%, giai đoạn từ 01/01/2025 – 30/09/2025 áp dụng mức thuế suất 17% .

2.2.10.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- a. Chứng từ sử dụng:
- Các tờ khai thuế tạm nộp;
 - Quyết toán thuế TNDN hàng năm;
 - Thông báo thuế và biên lai nộp thuế....
- b. Sổ sách sử dụng:
- Sổ tổng hợp:
 - + Sổ Nhật ký chung;
 - + Sổ cái TK 821.
 - Sổ chi tiết: TK 8211.

2.2.10.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.



Sơ đồ 26: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Chi phí thuế TNDN.

Sau khi thu thập đầy đủ bộ chứng từ (Các tờ khai thuế tạm nộp, quyết toán thuế TNDN năm, thông báo thuế và biên lai nộp thuế...) kế toán xem xét và thực hiện hạch toán kịp thời vào phần mềm.

Đầu tiên vào phân hệ “Tổng hợp”, chọn “chứng từ nghiệp vụ khác”, sau đó kế toán thực hiện nhập liệu đầy đủ các thông tin như diễn giải, ngày chứng từ, số chứng từ, tài khoản Nợ/Có và hạch toán vào phần mềm sau đó bấm “Cất” để dữ liệu tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan.

2.2.10.4. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 30/09/2025 đơn vị xác định số thuế TNDN phải nộp trong kỳ và lập tờ khai quyết toán thuế TNDN kèm Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Phụ lục 4 – Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh). Số thuế phải nộp kỳ này là 90.937.110 VNĐ.

Sau khi tính được số thuế phải nộp trong kỳ và lập tờ khai, kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm kế toán AMIS.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2021/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024 Từ 01/10/2024 đến 30/09/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: M69 - Hoạt động pháp luật, kế toán và kiểm toán

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM

[07] Mã số thuế: 0401980437

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	474.339.302
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	37.982.443
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	37.982.443
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	512.321.745
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	0
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	512.321.745
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	512.321.745

5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	512.321.745
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	128.080.436
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	384.241.309
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	17
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	90.937.110
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	90.937.110
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	90.937.110
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	90.937.110
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	

Khi nhập liệu xong, kế toán kiểm tra lại và bấm cất để số liệu tự động cập nhật lên các sổ như sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 821, sổ chi tiết TK 8211.

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam				Mẫu số S03a-DN		
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025						
Đơn vị tính : VND						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
---	---	---	---	---	---	---
10447	NTTK0086/09	30/09/25	Chi phí thuế TNDN 2025	8211	90.937.110	
10447	NTTK0086/09	30/09/25	Chi phí thuế TNDN 2025	3334		90.937.110
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	4.135.683.813	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911		4.135.683.813
----	----	----	----	----	----	----
			Tổng cộng		212.732.556.974	212.732.556.974

Hình ảnh 44: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Tài khoản: 821 - Chi phí thuế TNDN						Đơn vị tính : VND		
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D			E	1	2
30/09/2025	NTTK0086/09	30/09/2025	Chi phí thuế TNDN 2025			3334	90.937.110	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911		90.937.110
			Cộng số phát sinh				90.937.110	90.937.110
			Số dư cuối kỳ				0	0
			Cộng lũy kế từ đầu năm				90.937.110	90.937.110
Người ghi sổ (Ký, họ tên)				Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình ảnh 45: Trích sổ cái tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN						
Tài khoản: 8211, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025						
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					90.937.110	90.937.110
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0086/09	Chi phí thuế TNDN 2025	3334	90.937.110	
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		90.937.110
			- Cộng số phát sinh		90.937.110	90.937.110
			- Số dư cuối kỳ		0	0
			- Cộng lũy kế từ đầu năm		90.937.110	90.937.110

Hình ảnh 46: Trích sổ chi tiết tài khoản 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

2.2.11. Kế toán Xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

2.2.11.1. Đặc điểm Xác định kết quả kinh doanh.

Cuối kỳ, thường là hàng tháng (ngoại trừ quý 1 đơn vị kết chuyển theo quý vì quý I là quý mà đơn vị phát sinh nhiều chi phí công tác nhất, nhưng nhân viên đi công tác không mang chứng từ về kịp thời để kế toán hạch toán.) kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của đơn vị.

2.2.11.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

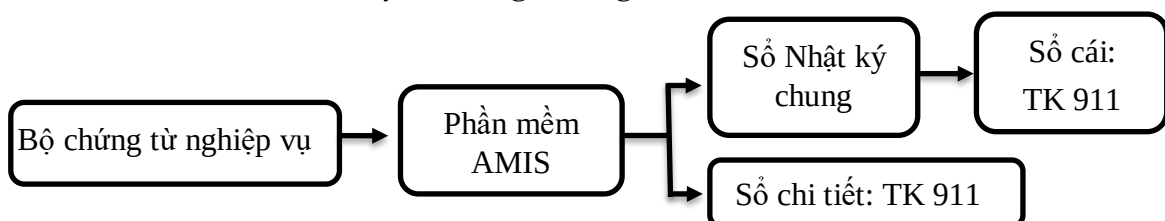
a. Chứng từ sử dụng:

Các sổ sách liên quan như sổ cái, chi tiết tài khoản 511, 521, 515, 711, 623, 635, 641, 642, 711, 811, 821...

b. Sổ sách sử dụng:

- Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 911
- Sổ chi tiết: Tài khoản 911

2.2.11.3. Trình tự luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại đơn vị.



Sơ đồ 27: Quy trình luân chuyển chứng từ của Kế toán Xác định kết quả kinh doanh.

Đầu tiên vào phân hệ “Tổng hợp”, chọn “chứng từ nghiệp vụ khác”, sau đó kế toán thực hiện nhập liệu đầy đủ các thông tin như diễn giải, ngày chứng từ, số chứng từ, tài khoản Nợ/Có và hạch toán vào phần mềm sau đó bấm “Cất” để dữ liệu tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan.

2.2.11.4. Nghiệp vụ minh họa.

Cuối kỳ kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Ngày 30/09/2025, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển cuối kỳ. Trong đó tổng số phát sinh trong kỳ bên Có: Doanh thu bán hàng và CCDV là 4.135.683.813 VND, Doanh thu hoạt động tài chính là 12.720.605 VND, Thu nhập khác là 3.000 VND; tổng số phát sinh bên Nợ: Giá vốn hàng bán là: 2.506.405.116, Chi phí tài chính là 2.656.745 VND, Chi phí QLDN là 1.898.843.603 VND, Chi phí khác 137.351 VND, Chi phí thuế TNDN là 90.937.110 VND, tháng 9/2025 đơn vị lỗ 350.572.507 VND.

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUD VIỆT NAM

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Tên:
Địa chỉ:
Diễn giải: Kết chuyển lãi/lỗ tháng 9.25

Số: NTTK0087/09
Ngày: 30/09/2025

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 9.25	5113	911	4.135.683.813
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 9.25	515	911	12.720.605
3	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 9.25	911	632	2.506.405.116
4	Kết chuyển thu nhập khác tháng 9.25	711	911	3.000
5	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	6421	620.352.572
6	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	6423	86.735.241
7	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	6424	17.457.135
8	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	6427	130.429.503
9	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	6428	1.043.869.152
10	Kết chuyển chi phí TC tháng 9.25	911	635	2.656.745
11	Kết chuyển chi phí khác tháng 9.25	911	811	137.351
12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2025	911	821	90.937.110
13	Lãi/lỗ tháng 9.25	4212	911	350.572.507
Cộng				8.997.959.850

Thành tiền bằng chữ: Tám tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng.

Ghi chú:

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình ảnh 47: Chứng từ kế toán NVK0087/09

Đầu tiên vào phân hệ “Tổng hợp”, chọn “chứng từ nghiệp vụ khác”, sau đó kế toán thực hiện nhập liệu đầy đủ các thông tin như diễn giải, ngày chứng từ, số chứng từ, tài khoản và hạch toán vào phần mềm.

Chứng từ nghiệp vụ khác NTKK0087/09 4. Khác

Diễn giải: Kết chuyển lãi/lỗ tháng 9.25

Ngày hạch toán: 30/09/2025

Ngày chứng từ: 30/09/2025

Số chứng từ: NTKK0087/09

Tổng tiền: 8.997.959.850

Hạch toán: Kế khai hóa đơn và hạch toán thuế

☐ Hạch toán góp nhiều hóa đơn

AVA Kế toán Loại tiền: VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 9.25	5113	911	4.135.683.813				
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 9.25	515	911	12.720.605				
3	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 9.25	911	632	2.506.405.116				
4	Kết chuyển thu nhập khác tháng 9.25	711	911	3.000				
				8.997.959.850				

Tổng số: 13 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Chứng từ nghiệp vụ khác NTKK0087/09 4. Khác

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có
4	Kết chuyển thu nhập khác tháng 9.25	711	911	3.000				
5	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	6421	620.352.572				
6	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	6423	86.735.241				
7	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	6424	17.457.135				
8	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	6427	130.429.503				
9	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	6428	1.043.869.152				
10	Kết chuyển chi phí TC tháng 9.25	911	635	2.656.745				
11	Kết chuyển chi phí khác tháng 9.25	911	811	137.351				
12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2025	911	8211	90.937.110				
13	Lãi/lỗ tháng 9.25	4212	911	350.572.507				
				8.997.959.850				

Tổng số: 13 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Hình ảnh 48: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán AMIS.

Sau khi hạch toán lên phần mềm, kế toán bấm “Cất” để phần mềm tự động cập nhật dữ liệu lên các sổ sách liên quan như: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911, sổ chi tiết 911.

Công Ty TNHH Hàng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam				Mẫu số S03a-DN		
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025						
Đơn vị tính : VND						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
---	---	---	---	---	---	---
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 9.25	5113	4.135.683.813	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 9.25	911		4.135.683.813
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 9.25	515	12.720.605	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 9.25	911		12.720.605
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 9.25	911	2.506.405.116	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 9.25	632		2.506.405.116
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển thu nhập khác tháng 9.25	711	3.000	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển thu nhập khác tháng 9.25	911		3.000
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	620.352.572	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	6421		620.352.572
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	86.735.241	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	6423		86.735.241
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	17.457.135	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	6424		17.457.135
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	130.429.503	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	6427		130.429.503
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	911	1.043.869.152	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	6428		1.043.869.152
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí TC tháng 9.25	911	2.656.745	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí TC tháng 9.25	635		2.656.745
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí khác tháng 9.25	911	137.351	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí khác tháng 9.25	811		137.351
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2025	911	90.937.110	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2025	8211		90.937.110
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Lãi/lỗ tháng 9.25	911	350.572.507	
10448	NTTK0087/09	30/09/25	Lãi/lỗ tháng 9.25	4212		350.572.507
			Tổng cộng	4212	212.732.556.974	212.732.556.974

Hình ảnh 49: Trích sổ Nhật ký chung từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025

Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Tư Vấn AUD Việt Nam						Mẫu số: S03b-DN		
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.						(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025								
Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh						Đơn vị tính : VND		
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D			E	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 9.25			5113		4.135.683.813
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 9.25			515		12.720.605
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 9.25			632	2.506.405.116	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển thu nhập khác tháng 9.25			711		3.000
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25			6421	620.352.572	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25			6423	86.735.241	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25			6424	17.457.135	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25			6427	130.429.503	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25			6428	1.043.869.152	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí TC tháng 9.25			635	2.656.745	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí khác tháng 9.25			811	137.351	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2025			8211	90.937.110	
30/09/2025	NTTK0087/09	30/09/2025	Lãi/lỗ tháng 9.25			4212		350.572.507
			Cộng số phát sinh				25.111.303.222	25.111.303.222
			Số dư cuối kỳ				0	0
			Cộng lũy kế từ đầu năm				25.111.303.222	25.111.303.222

Hình ảnh 50: Trích sổ cái tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN							
Tài khoản: 911, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	
Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh					25.111.303.222	25.111.303.222	
...	...	...	...	...	...	...	
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 9.25	5113		4.135.683.813	
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 9.25	515		12.720.605	
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 9.25	632	2.506.405.116		
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển thu nhập khác tháng 9.25	711		3.000	
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	6421	620.352.572		
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	6423	86.735.241		
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	6424	17.457.135		
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	6427	130.429.503		
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 9.25	6428	1.043.869.152		
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển chi phí TC tháng 9.25	635	2.656.745		
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển chi phí khác tháng 9.25	811	137.351		
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 2025	8211	90.937.110		
30/09/2025	30/09/2025	NTTK0087/09	Lãi/lỗ tháng 9.25	4212		350.572.507	
			- Cộng số phát sinh		25.111.303.222	25.111.303.222	
			- Số dư cuối kỳ		0	0	
			- Cộng lũy kế từ đầu năm		25.111.303.222	25.111.303.222	

Hình ảnh 51: Trích sổ chi tiết tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

Sau khi kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, kế toán tổng hợp dữ liệu chứng từ, sổ sách rồi lập BCTC (Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh).

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM
129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2025

Mẫu B02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2024 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	24.137.729.095	13.503.660.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		24.137.729.095	13.503.660.556
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	14.063.750.619	8.230.923.848
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.073.978.476	5.272.736.708
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	31.087.171	35.424.951
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	54.433.056	49.159.578
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.433.056	49.159.578
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	9.568.153.311	5.156.270.763
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		482.479.280	102.731.318
11. Thu nhập khác	31		28.185.976	3.555.555
12. Chi phí khác	32		36.325.954	3.441.663
13. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(8.139.978)	113.892
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		474.339.302	102.845.210
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	90.937.110	22.911.866
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		383.402.192	79.933.344



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Phan Văn Liêm
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 10 năm 2025

Hình ảnh 52: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM.

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại đơn vị.

3.1.1. Ưu điểm:

Qua thời gian tìm hiểu và trực tiếp tham gia các hoạt động chuyên môn tại đơn vị thực tập, có thể đánh giá một cách tổng quát về những ưu điểm như sau:

a. Về tổng quan:

- AUD Việt Nam là một đơn vị có môi trường làm việc chuyên nghiệp, có quy mô và cơ cấu tổ chức hợp lý, các phòng ban được phân công chức năng rõ ràng (đặc biệt là tính phân quyền chặt chẽ), tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chung.
- Môi trường làm việc nghiêm túc nhưng thân thiện, có tính kỷ luật cao và tinh thần hợp tác giữa các nhân viên.
- Nhân sự có trình độ chuyên môn tốt và tất cả nhân sự hàng năm đều được đào tạo và cập nhật các kiến thức về các quy định mới của kế toán, thuế.

b. Về công tác kế toán:

- Đơn vị áp dụng chế độ kế toán theo quy định của *Thông tư 200/2014/TT-BTC*, đồng thời luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định hiện hành về kế toán, tài chính và báo cáo, đảm bảo công tác ghi chép, hạch toán, lập báo cáo tài chính được thực hiện chính xác, minh bạch và đúng thời hạn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của doanh nghiệp.
- Việc ứng dụng công nghệ AI vào quy trình hạch toán cũng là một điểm cộng giúp cho công việc đạt hiệu quả cao đặc biệt là những phần hành phát sinh nhiều nghiệp vụ như Tiền gửi ngân hàng, doanh thu bán hàng và CCDV,....
- Công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thực hiện đầy đủ và kịp thời, giúp phản ánh chính xác tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Kế toán theo dõi chi tiết doanh thu cung cấp dịch vụ, giá vốn dịch vụ chi tiết theo từng khách hàng giúp quản lý tốt chi phí cung cấp dịch vụ, hạn chế tình trạng phát sinh chi phí vượt mức hoặc sử dụng nguồn lực không hiệu quả.

3.1.2. Hạn chế:

Mặc dù công tác kế toán tại đơn vị cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý, tuy nhiên vẫn còn một số điểm hạn chế cần được cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Cụ thể:

a. Về tổng quan:

a₁. Trình độ chuyên môn nhân sự tốt nhưng còn non trẻ:

Tuy trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự là tốt nhưng còn non trẻ, chưa có nhiều sự va chạm và tiếp xúc với thực tế.

a₂. Thiếu nhân lực mùa cao điểm:

Nguồn lực nhân sự dịch vụ kế toán còn hạn chế dẫn đến áp lực công việc vì khối lượng công việc quá tải trong mùa cao điểm.

b. Về công tác kế toán:

b₁. Kỳ kế toán chưa phù hợp với kỳ kê khai thuế GTGT, TNDN:

Đơn vị kê khai và nộp thuế GTGT, TNCN theo quý nhưng kỳ kế toán là kỳ tháng, đồng thời trong quý 1 (mùa cao điểm) lại kết chuyển theo quý. Điều này làm mất thêm thời gian cho bộ phận kế toán vì cuối quý phải rà soát lại và cộng số liệu 3 tháng để lên các tờ khai thuế GTGT, TNCN.

b₂. Nội dung diễn giải không rõ ràng, chi tiết:

Nội dung diễn giải một số nghiệp vụ kế toán tại đơn vị vẫn chưa được trình bày đầy đủ và chi tiết. Cụ thể, đối với nghiệp vụ bán hàng/cung cấp dịch vụ, phần diễn giải chưa thể hiện rõ loại hình dịch vụ phát sinh. Bên cạnh đó, các bút toán kết chuyển chi phí để tính giá thành dịch vụ chỉ ghi nhận chung như “Kết chuyển phí kiểm toán” mà chưa phân tách cụ thể từng khoản mục chi phí như chi phí lương, chi phí công tác hay chi phí chung. Điều này gây khó khăn cho việc theo dõi, kiểm tra và phân tích chi phí theo từng nội dung phát sinh.

b₃. Quy trình kiểm tra chứng từ đầu vào còn sai sót:

Quy trình kiểm tra và kiểm soát chứng từ đầu vào tại đơn vị vẫn còn tồn tại một số sai sót. Cụ thể, trong năm kế toán đã ghi nhận 02 nghiệp vụ chi phí nhưng chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định. Việc ghi nhận các khoản chi phí này làm cho chi phí phát sinh trong kỳ chưa phản ánh đầy đủ tính hợp lệ, hợp pháp, đồng thời các khoản chi này không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Điều này ảnh hưởng đến tính chính xác của số liệu kế toán cũng như công tác kê khai và quyết toán thuế của đơn vị.

b₄. Không theo dõi doanh thu, chi phí giá vốn riêng cho từng loại hình dịch vụ:

Tuy Doanh thu bán hàng và CCDV có theo dõi riêng cho từng khách hàng nhưng không phân biệt giữa doanh thu cho từng loại hình dịch vụ. Điều này dẫn đến:

- Khó theo dõi doanh thu đến từ dịch vụ nào chiếm tỉ trọng cao nhất, loại hình dịch vụ nào đang lỗ...

- Khó xác định giá vốn cho từng loại dịch vụ làm cho định giá dịch vụ không hợp lý.

- Khó lập kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển, ví dụ: Mở rộng những dịch vụ mang lại lợi nhuận cao, cắt giảm chi phí hoặc dịch vụ kém hiệu quả..

b5. Hạch toán nghiệp vụ chưa phù hợp với bản chất:

Khi AUD Việt Nam hợp tác cùng phát triển nền tảng ASP MISA với Công ty Cổ phần MISA, mỗi lần AUD Việt Nam giới thiệu phần mềm cho khách hàng (thường là dịch vụ tư vấn và kế toán) và được khách hàng mua sử dụng thì sẽ được hưởng một khoản lợi ích hợp tác. Tùy thuộc vào giá trị gói dịch vụ phần mềm này cao hay thấp, đơn vị sẽ được hưởng % lợi ích tương ứng. Đồng thời, khoản lợi ích hợp tác từ ASP MISA phát sinh khá thường xuyên và gắn trực tiếp với hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị.

Đơn vị theo dõi khoản phải thu của MISA bằng tài khoản 13883 và hạch toán nghiệp vụ kinh tế trên vào tài khoản 711 – Thu nhập khác. Điều này đồng nghĩa với việc đây là một khoản thu nhập bất thường và ít phát sinh. Vậy nên khi kế toán hạch toán nghiệp vụ này vào thu nhập khác là chưa phù hợp với bản chất của nghiệp vụ.

b6. Sử dụng tài khoản theo dõi chi phí liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ chưa phù hợp với chế độ kế toán áp dụng:

Vì đơn vị áp dụng chế độ kế toán theo *Thông tư 200/2014/TT-BTC* mà trong năm tài chính 2025 (từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025), AUD Việt Nam không còn cung cấp dịch vụ xây dựng nhưng không dùng tài khoản 622, 627... để theo dõi chi phí của dịch vụ mà vẫn theo dõi ở tài khoản 154 chi tiết. Chính vì vậy, việc đơn vị đang sử dụng tài khoản 154 chi tiết để theo dõi chi phí là chưa phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

b7. Ghi nhận Chi phí lương của thực tập sinh kế toán, kiểm toán chưa phù hợp:

Vì lương của thực tập sinh phòng dịch vụ kiểm toán, kế toán cũng là chi phí lương của bộ phận trực tiếp nên việc đơn vị hạch toán chi phí lương của thực tập sinh vào chi phí chung là chưa phù hợp.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị.

Sau quá trình thực tập tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam, nhận thấy được công tác kế toán của đơn vị còn một số điểm hạn chế. Dưới đây là một số ý kiến nhằm cải thiện công tác kế toán của phần hành kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của đơn vị.

a. Về tổng quan:

a1. Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn:

Cần có nhiều sự tiếp xúc thực tế và lớp học đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự mới, vì đây là nguồn lực chiếm tỷ trọng lớn (gần 64%) trong đơn vị.

a₂. Bổ sung nhân sự bộ phận dịch vụ kế toán, tư vấn:

Cần tăng cường thêm nhân sự dịch vụ kế toán chính thức thay vì học việc và thực tập theo mùa, tránh bị áp lực công việc vì khối lượng công việc quá tải trong mùa cao điểm.

b. Về công tác kế toán:

b₁. Chuyển đổi kỳ kế toán cho phù hợp với kỳ kê khai thuế GTGT, TNCN:

Đơn vị kê khai và nộp thuế GTGT, TNCN theo quý và vì lý do bận rộn trong mùa kế, kiểm, những chứng từ công tác không kịp thu thập để hạch toán kịp thời nên trong quý I (mùa cao điểm) đơn vị thay đổi kỳ kế toán từ kỳ tháng sang kỳ quý. Vì vậy, nếu có thể, đơn vị nên thay đổi kỳ kế toán là kỳ quý để phù hợp hơn với đặc điểm kinh doanh của mình. Điều này giúp bộ phận kế toán tránh mất thêm thời gian vì cuối quý phải rà soát lại và cộng số liệu 3 tháng để lên các tờ khai thuế GTGT, TNCN.

b₂. Ghi nội dung diễn giải các nghiệp vụ rõ ràng để dễ theo dõi:

Kế toán nên diễn giải rõ doanh thu đến từ dịch vụ gì, kết chuyển chi phí gì.

Ví dụ 1: Ngày 31/03/2025, đơn vị thực hiện kết chuyển chi phí để tính giá thành dịch vụ, Tổng chi phí là 4.656.636.697 VNĐ, trong đó chi phí lương bộ phận trực tiếp là 3.477.763.529 VNĐ, chi phí công tác là 958.188.538 VNĐ, chi phí chung là 220.684.630 VNĐ.

Đơn vị tính: Đơn vị tính: VNĐ

Thực tế tại đơn vị			Ý kiến đề xuất		
Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	15431	3.477.763.529	Kết chuyển chi phí lương bộ phận trực tiếp quý I.25	15431	3.477.763.529
Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	15432	958.188.538	Kết chuyển chi phí công tác quý I.25	15432	958.188.538
Kết chuyển phí kiểm toán quý I.25	15433	220.684.630	Kết chuyển chi phí khác quý I.25	15433	220.684.630

b₃. Kiểm tra kỹ tính hợp lệ và chính xác của chứng từ, đặc biệt là chứng từ đầu vào:

Trước khi nhập liệu vào phần mềm, kế toán cần kiểm tra lại tính hợp lý, hợp lệ và đầy đủ của chứng từ, đặc biệt là chứng từ đầu vào để tránh bị sai sót khi tập hợp chi phí và tính thuế TNDN phải nộp, thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

b₄. Nên theo dõi doanh thu riêng cho từng loại hình dịch vụ:

Kế toán nên mở sổ chi tiết tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ cho từng loại hình doanh thu để giúp cho đơn vị:

+ Dễ theo dõi doanh thu đến từ dịch vụ nào chiếm tỉ trọng cao nhất, loại hình dịch vụ nào đang lỗ...

+ Dễ xác định giá vốn cho từng loại dịch vụ làm cho định giá dịch vụ không hợp lý.

+ Dễ lập kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển, ví dụ: Mở rộng những dịch vụ mang lại lợi nhuận cao, cắt giảm chi phí hoặc dịch vụ kém hiệu quả....

Ví dụ 2: Sổ chi tiết tài khoản 51131 – Doanh thu dịch vụ kiểm toán BCTC, Sổ chi tiết tài khoản 51132 – Doanh thu dịch vụ kiểm toán XDCCB,....

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 51131, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày ... đến ngày ...								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 51131 - Doanh thu dịch vụ kiểm toán BCTC							0	0
.....								
					- Cộng số phát sinh		0	0
					- Số dư cuối kỳ		0	0
					- Cộng lũy kế từ đầu năm		0	0

Hình ảnh 53: Sổ chi tiết tài khoản 51131 – Doanh thu dịch vụ kiểm toán BCTC.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN								
Tài khoản: 51132, Loại tiền: <<Tổng hợp>>, Từ ngày ... đến ngày ...								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Tài khoản: 51132 - Doanh thu dịch vụ kiểm toán XDCCB							0	0
.....								
					- Cộng số phát sinh		0	0
					- Số dư cuối kỳ		0	0
					- Cộng lũy kế từ đầu năm		0	0

Hình ảnh 54: Sổ chi tiết tài khoản 51132 – Doanh thu dịch vụ kiểm toán XDCCB.

b₅. Xem xét lại bản chất nghiệp vụ và hạch toán vào tài khoản phù hợp:

Khi AUD Việt Nam hợp tác cùng phát triển nền tảng ASP MISA với Công ty Cổ phần MISA, mỗi lần AUD giới thiệu phần mềm cho khách hàng (thường là dịch vụ tư vấn và kế toán) và được khách hàng mua sử dụng thì sẽ được hưởng một khoản

lợi ích hợp tác. Tùy thuộc vào giá trị gói dịch vụ phần mềm này cao hay thấp, đơn vị sẽ được hưởng % lợi ích tương ứng. Khoản lợi ích này có thể xem xét là khoản hoa hồng đại lý vì khoản lợi ích hợp tác từ ASP MISA phát sinh khá liên tục và gắn liền trực tiếp với hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị.

Ví dụ 3: Nghiệp vụ minh họa Thu nhập khác trang số (42) Khóa luận tốt nghiệp:

Đơn vị tính: VNĐ

Thực tế hạch toán tại đơn vị	Ý kiến đề xuất
Nợ TK 13883: 840.000	Nợ TK 131: 840.000
Có TK 711 : 777.778	Có TK 511 : 777.778
Có TK 3331: 62.222	Có TK 3331: 62.222

b₆. Kế toán nên kịp thời thay đổi tài khoản để theo dõi chi phí cho phù hợp với chế độ kế toán áp dụng:

Trong năm tài chính 2025 (từ ngày 01/10/2024 – 30/09/2025), AUD Việt Nam không còn cung cấp dịch vụ xây dựng vì vậy nên kế toán cần có sự linh hoạt, kịp thời thay đổi tài khoản sử dụng để theo dõi chi phí cho phù hợp với chế độ kế toán áp dụng hiện hành.

Ví dụ 4: Ngày 28/02/2025, đơn vị tính lương cho bộ phận trực tiếp với tổng chi phí lương của bộ phận này là 1.000.000.000 VNĐ

Đơn vị tính: VNĐ

Thực tế hạch toán tại đơn vị	Ý kiến đề xuất
Nợ TK 15431: 1.000.000.000	Nợ TK 622: 1.000.000.000
Có TK 334 : 1.000.000.000	Có TK 334: 1.000.000.000

b₇. Ghi nhận Chi phí lương của thực tập sinh kế toán, kiểm toán:

Vì lương của thực tập sinh phòng dịch vụ kiểm toán, kế toán cũng là chi phí lương của bộ phận trực tiếp nên việc đơn vị hạch toán chi phí lương của thực tập sinh vào chi phí chung là chưa phù hợp.

Ví dụ 5: Cuối kỳ thực tập, đơn vị hạch toán chi phí lương thực tập cho bộ phận thực tập sinh kế toán, kiểm toán, tổng chi phí là 50.000.000 VNĐ.

Đơn vị tính: VNĐ

Thực tế hạch toán tại đơn vị	Ý kiến đề xuất
Nợ TK 15433: 1.000.000.000	Nợ TK 622: 1.000.000.000
Có TK 334 : 1.000.000.000	Có TK 334: 1.000.000.000

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam, em đã có cơ hội tiếp cận thực tế môi trường làm việc chuyên nghiệp, tìm hiểu rõ hơn về cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động cũng như các nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực đang theo học. Quá trình thực tập không chỉ giúp em củng cố và vận dụng những kiến thức lý thuyết đã được học trên giảng đường mà còn giúp em tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm thực tiễn, rèn luyện kỹ năng làm việc, kỹ năng giao tiếp và ý thức trách nhiệm trong công việc.

Bên cạnh những kết quả đạt được, em cũng nhận thức được những hạn chế của bản thân như kinh nghiệm thực tế còn chưa nhiều, khả năng xử lý tình huống còn chậm và cần tiếp tục trau dồi thêm kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, đây cũng chính là động lực để em tiếp tục học hỏi và hoàn thiện bản thân trong thời gian tới.

Thông qua khóa luận tốt nghiệp, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban giám đốc Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam cùng các anh/chị trong đơn vị đã nhiệt tình hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt quá trình thực tập. Em cũng xin cảm ơn quý thầy/cô đã tận tình giảng dạy và hướng dẫn để em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp. Những kiến thức và kinh nghiệm thu nhận được trong thời gian thực tập sẽ là hành trang quý báu cho quá trình học tập và công việc sau này của em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.*
2. *Thông tư 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.*
3. *Tài liệu, sổ sách, báo cáo tài chính liên quan đến phần hành kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hằng Kiểm Toán và Tư vấn AUD Việt Nam.*
4. *Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01, 14.*
5. *Các bài giảng, slide dạy học của giảng viên khoa Kinh tế Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.*
6. *Các bài khóa luận tốt nghiệp trên thư viện Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.*

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi,, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- **Các công cụ AI đã sử dụng:**

.....
.....

- **Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....
.....
.....

- **Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

.....
.....
.....
.....
.....

- **Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.**

○ ☐ **Có**

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hợp đồng Kiểm toán BCTC số 111-TC24/HĐ-AUD.

Phụ lục 2: Giấy đi đường.

Phụ lục 3: Thẻ lên máy bay.

Phụ lục 4: Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

PHỤ LỤC 1
Hợp đồng Kiểm toán BCTC số 111-TC24/HĐ-AUD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 111-TC24/HĐ-AUD

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 10 năm 2024

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Về kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
của Công ty TNHH PURE*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Hợp đồng này được lập giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY TNHH PURE

Đại diện là : **Ông Lorenz Lennaerts**
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : K14/1 Trần Phước Thành, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Mã số thuế : 0401 299 612

BÊN B: CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM

Đại diện là : **Ông Phan Văn Liêm**
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Điện thoại : 02363 633 399
Địa chỉ : 129 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401980437
Tài khoản : 920236886 - Ngân hàng Á Châu, PGD Hải Châu, CN Đà Nẵng

Hai bên thống nhất hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B nhận cung cấp cho Bên A các dịch vụ:

Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của bên A, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của bên A:

Cuộc kiểm toán của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) có nghĩa vụ cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ nghĩa vụ của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán cho bên B theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của bên B:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá

của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào khi không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN KIỂM TOÁN

Thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng do bên A đề nghị nhưng phải thông báo trước cho bên B ít nhất 10 ngày.

Cuộc kiểm toán dự kiến tiến hành khoảng 2 đến 3 ngày, trong Quý I/2025 tại văn phòng Bên A. Thời gian cụ thể do hai Bên trao đổi thống nhất.

ĐIỀU 4: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A 07 bộ báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán và Thư quản lý (nếu có). Trong đó, Bên B lưu lại 01 bộ và giao cho Bên A 06 bộ. Thời gian phát hành báo cáo kiểm toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày bên A lập lại Báo cáo tài chính đã điều chỉnh sau kiểm toán.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B

một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ: Bên A đồng ý trả cho bên B số tiền dưới đây để thực hiện công việc ghi ở Điều 1.

Phí kiểm toán đã bao gồm thuế giá trị gia tăng: 30.000.000 VND

(Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn)

Điều khoản thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản thành 2 đợt:

- Đợt I: Bên A tạm ứng 50% giá trị hợp đồng khi ký kết hợp đồng, tương ứng: 15.000.000 VND;
- Đợt II: Số tiền còn lại sẽ được thanh toán đầy đủ khi bên B bàn giao báo cáo kiểm toán tài chính năm 2023 cho bên A.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT và biên bản nghiệm thu, thanh lý cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 6: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 4 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện Bên A
CÔNG TY TNHH PURE

Giám đốc

Đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN
VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM
Tổng Giám đốc

LORENZ LENNAERTS

PHAN VĂN LIÊM

PHỤ LỤC 2
Giấy đi đường

**CÔNG TY HĂNG KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN AUD VIỆT NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐI ĐƯỜNG

Cấp cho: Trương Văn Minh
Chức vụ: P. TGĐ
Được cử đi tại: Miền Bắc

Ngày 20 tháng 6 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị



NƠI ĐI VÀ NƠI ĐẾN	Ngày giờ	Phương tiện sử dụng	Chứng nhận của cơ quan (Ký tên và đóng dấu)
Nơi đi: <u>AUD</u>	<u>24/06</u>	<u>Máy bay</u>	
Nơi đến:			
Nơi đi:	<u>25/06</u>	<u>Máy bay</u>	
Nơi đến: <u>Miền Bắc</u>			
Nơi đi:			
Nơi đến:			
Nơi đi:			
Nơi đến:			
Nơi đi:			
Nơi đến:			

Người đi công tác (ký tên)



PHỤ LỤC 3
Thẻ lên máy bay

Ngày khởi hành	Ngày đến
24 thg 6	24 thg 6
Giờ khởi hành	Giờ đến
06:45	08:10
Giờ có mặt tại cửa lên máy bay	Cửa
06:05	Xem trên bảng hiển thị

Phổ thông

Hành khách	Nhóm	Ghế
VAN MINH TRUONG	3	33G



PHỤ LỤC 4

Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: 03-1A/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM
[03] Mã số thuế: 0401980437

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	24.137.729.095
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	31.087.171
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	31.087.171
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	23.631.903.930
a	Giá vốn hàng bán	[13]	14.063.750.619
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	9.568.153.311
5	Chi phí tài chính	[16]	54.433.056
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	54.433.056
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	482.479.280
7	Thu nhập khác	[19]	28.185.976
8	Chi phí khác	[20]	36.325.954
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(8.139.978)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	474.339.302

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 12 tháng 12 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

PHAN VĂN LIÊM

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM.